|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** |  |

**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN**

**LUẬT TRƯNG MUA, TRƯNG DỤNG TÀI SẢN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CÁC NGHỊ ĐỊNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG, TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI**

| **STT** | **Điều, khoản, điểm** | **Nội dung quy định hiện hành** | **Nội dung sửa đổi, bổ sung/phân định thẩm quyền** | **Thuyết minh** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Luật trung mua, trưng dụng năm 2008** *(03 nội dung)* | | | |
|  | Điều 17 | **Điều 17. Cưỡng chế thi hành quyết định trưng mua tài sản**  Trường hợp quyết định trưng mua tài sản đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật mà người có tài sản trưng mua không chấp hành thì người quyết định trưng mua tài sản ra quyết định cưỡng chế thi hành và tổ chức cưỡng chế thi hành hoặc giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) nơi có tài sản trưng mua tổ chức cưỡng chế thi hành. | Chuyển thẩm quyền của “Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện)” quy định tại Điều 17 thành thẩm quyền của “Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã)”. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điều 31 | **Điều 31. Cưỡng chế thi hành quyết định trưng dụng tài sản**  Trường hợp quyết định trưng dụng tài sản đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật mà người có tài sản trưng dụng không chấp hành thì người quyết định trưng dụng tài sản ra quyết định cưỡng chế thi hành và tổ chức cưỡng chế thi hành hoặc giao cho **Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện** nơi có tài sản trưng dụng tổ chức cưỡng chế thi hành. | Chuyển thẩm quyền của “Ủy ban nhân dân cấp huyện” quy định tại Điều 31, khoản 4 Điều 41 thành thẩm quyền của “Ủy ban nhân dân cấp xã”. |
|  | Khoản 4, Điều 41 | **Điều 41. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật, bộ luật**  4. Thay cụm từ “trưng dụng đất” bằng cụm từ “quyết định sử dụng đất có thời hạn” tại điểm đ khoản 2 Điều 35 của Luật đê điều số 79/2006/QH11 và sửa đổi, bổ sung điểm này như sau:  “đ) Trường hợp khẩn cấp chống lũ, lụt, bão, thiên tai khác mà cần phải sử dụng đất thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện có quyền quyết định sử dụng đất có thời hạn. Chính phủ quy định chi tiết việc trả lại đất và bồi thường thiệt hại cho người có đất bị Nhà nước quyết định sử dụng đất có thời hạn.” | Chuyển thẩm quyền của “Ủy ban nhân dân cấp huyện” quy định tại Điều 31, khoản 4 Điều 41 thành thẩm quyền của “Ủy ban nhân dân cấp xã”. |
| **II** | **Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công** *(được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024, Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ) (34 nội dung)* | | | |
|  | Khoản 2 Điều 3 | **Điều 3. Mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước**  2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:  b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật. | **Điều 3. Mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước**  2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương. | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Khoản 2 Điều 3a | **Điều 3a. Mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công là vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước**  2. Thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao:  b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật. | **Điều 3a. Mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công là vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước**  2. Thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao:  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương. | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Khoản 1 Điều 4 | **Điều 4. Thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước**  1. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản:  b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật. | **Điều 4. Thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước**  1. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản:  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương. | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Điểm b khoản 4 Điều 10b | **Điều 10a. Xử lý vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công**  b) Thẩm quyền quyết định khai thác:  b2) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật. | **Điều 10a. Xử lý vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công**  b) Thẩm quyền quyết định khai thác:  b2) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương. | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Khoản 3 Điều 17 | **Điều 17. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công**  Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 41 của Luật được quy định như sau:  3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật. | **Điều 17. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công**  Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 41 của Luật được quy định như sau:  3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương. | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Điểm c, khoản 1 Điều 18 | **Điều 18. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản công** 1. Trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công  c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước có tài sản bị thu hồi thực hiện bàn giao đầy đủ tài sản và các hồ sơ có liên quan đến tài sản cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, cụ thể như sau:  Bàn giao cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định thu hồi;  Bàn giao cho Sở Tài chính đối với tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định thu hồi; Bàn giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện đối với tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định thu hồi. | **Điều 18. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản công** 1. Trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công  c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thu hồi tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước có tài sản bị thu hồi thực hiện bàn giao đầy đủ tài sản và các hồ sơ có liên quan đến tài sản cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Luật, cụ thể như sau:  Bàn giao cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật đối với tài sản do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định thu hồi;  Bàn giao cho Sở Tài chính đối với tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định thu hồi;  *Bàn giao cho cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã đối với tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp xã quyết định thu hồi.* | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm c khoản 3 Điều 19 | **Điều 19. Xử lý, khai thác tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền**  3. Thẩm quyền lập, phê duyệt phương án khai thác, phương án xử lý tài sản theo các hình thức quy định tại điểm đ, điểm e khoản 4 Điều 41 của Luật:  c) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp huyện quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật có trách nhiệm lập phương án xử lý, khai thác tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định thu hồi, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. | **Điều 19. Xử lý, khai thác tài sản công có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền**  3. Thẩm quyền lập, phê duyệt phương án khai thác, phương án xử lý tài sản theo các hình thức quy định tại điểm đ, điểm e khoản 4 Điều 41 của Luật:  c) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp xã quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật có trách nhiệm lập phương án xử lý, khai thác tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp xã quyết định thu hồi, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm c khoản 1 Điều 20 | **Điều 20. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công**  1. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được quy định như sau:  c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật. | **Điều 20. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công**  1. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được quy định như sau:  c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương. | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 2 Điều 21 | **Điều 21. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản công**  2. …  Trường hợp việc điều chuyển tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thì cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh, cấp huyện quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật có trách nhiệm tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định. | **Điều 21. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản công**  2. …  Trường hợp việc điều chuyển tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp **xã** thì cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh, cấp **xã** quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật có trách nhiệm tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp **xã** để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 22 | **Điều 22. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công**  2. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 của Luật được quy định như sau: b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật.  c) Người đứng đầu cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán đối với:  c1) Tài sản công là tài sản cố định theo thẩm quyền do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp;  c2) Tài sản công không phải là tài sản cố định. | **Điều 22. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công**  2. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 của Luật được quy định như sau: b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.  c) Người đứng đầu cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán đối với:  c1) Tài sản công là tài sản cố định theo thẩm quyền do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp;  c2) Tài sản công không phải là tài sản cố định. | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Điểm b, điểm c khoản 3 Điều 23 | **Điều 23. Trình tự, thủ tục bán tài sản công**  3. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định bán tài sản công quyết định giao cơ quan nhà nước có tài sản công hoặc cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công chịu trách nhiệm tổ chức bán tài sản công.  Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền giao trách nhiệm tổ chức bán tài sản công cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thì thực hiện theo nguyên tắc sau:  b) Sở Tài chính tổ chức bán đối với tài sản công do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bán.  c) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện tổ chức bán đối với tài sản công do Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán. | **Điều 23. Trình tự, thủ tục bán tài sản công**  3. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định bán tài sản công quyết định giao cơ quan nhà nước có tài sản công hoặc cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công chịu trách nhiệm tổ chức bán tài sản công.  Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền giao trách nhiệm tổ chức bán tài sản công cho cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thì thực hiện theo nguyên tắc sau:  b) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật tổ chức bán đối với tài sản công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bán.  c) Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp xã quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật tổ chức bán đối với tài sản công do Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm a khoản 7 Điều 24 | **Điều 24. Bán tài sản công theo hình thức đấu giá** 7. Việc thanh toán tiền mua tài sản được thực hiện như sau: a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản, người mua tài sản có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản, đồng thời gửi bản sao Hợp đồng mua bán tài sản cho chủ tài khoản tạm giữ. | **Điều 24. Bán tài sản công theo hình thức đấu giá** 7. Việc thanh toán tiền mua tài sản được thực hiện như sau:  a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản, người mua tài sản có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này. | Để đảm bảo phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày tháng năm 2025. |
|  | Khoản 6 Điều 26 | **Điều 26. Bán tài sản công theo hình thức niêm yết giá**  6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký Biên bản xác định hoặc Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công thông báo người được quyền mua tài sản, người được quyền mua tài sản có trách nhiệm ký Hợp đồng mua bán tài sản và thanh toán tiền mua tài sản cho cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này. Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này nộp tiền vào tài khoản tạm giữ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.  Việc thanh toán tiền mua tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Nghị định này. | **Điều 26. Bán tài sản công theo hình thức niêm yết giá**  6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ký Biên bản xác định hoặc Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công thông báo người được quyền mua tài sản, người được quyền mua tài sản có trách nhiệm ký Hợp đồng mua bán tài sản và thanh toán tiền mua tài sản cho cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này.  Việc thanh toán tiền mua tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Nghị định này. | Để đảm bảo phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày tháng năm 2025. |
|  | Bãi bỏ cụm từ “, nộp tiền vào tài khoản tạm giữ” tại khoản 4 Điều 27 | **Điều 27. Bán tài sản công theo hình thức chỉ định** 4. Sau khi có quyết định bán tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này thông báo công khai tại trụ sở cơ quan có tài sản bán và thực hiện bán cho người đầu tiên nộp văn bản đề nghị mua tài sản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị mua tài sản của người đầu tiên, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thực hiện ký Hợp đồng mua bán tài sản với người mua.  Việc thanh toán tiền mua tài sản, nộp tiền vào tài khoản tạm giữ được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị định này. | **Điều 27. Bán tài sản công theo hình thức chỉ định** 4. Sau khi có quyết định bán tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 23 Nghị định này thông báo công khai tại trụ sở cơ quan có tài sản bán và thực hiện bán cho người đầu tiên nộp văn bản đề nghị mua tài sản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị mua tài sản của người đầu tiên, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản thực hiện ký Hợp đồng mua bán tài sản với người mua.  Việc thanh toán tiền mua tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị định này. | Để đảm bảo phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày tháng năm 2025. |
|  | Khoản 2, khoản 3 Điều 28 | **Điều 28. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công**  Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật được quy định như sau:  2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật.  3. Người đứng đầu cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý đối với: a) Tài sản công là tài sản cố định theo thẩm quyền do của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp.  b) Tài sản công không phải là tài sản cố định. | **Điều 28. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công**  Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật được quy định như sau:  2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.  3. Người đứng đầu cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý đối với:  a) Tài sản công là tài sản cố định theo thẩm quyền do của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp.  b) Tài sản công không phải là tài sản cố định. | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 1 Điều 29 | **Điều 29. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản công**  1. …  c) Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (chủng loại, số lượng, diện tích; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; hình thức thanh lý; lý do thanh lý): 01 bản chính.  d) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện hoặc văn bản thẩm định của đơn vị tư vấn có chức năng thẩm định về tình trạng tài sản và khả năng sửa chữa (đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được): 01 bản sao. | **Điều 29. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản công**  1. …  c) Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (chủng loại, số lượng, diện tích; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; hình thức thanh lý; lý do thanh lý): 01 bản chính.  d) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp **xã** hoặc văn bản thẩm định của đơn vị tư vấn có chức năng thẩm định về tình trạng tài sản và khả năng sửa chữa (đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được): 01 bản sao. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Khoản 2, khoản 3 Điều 32 | **Điều 32. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại cơ quan nhà nước**  2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật.  3. Người đứng đầu cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định tiêu hủy đối với: a) Tài sản công là tài sản cố định theo thẩm quyền do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp.  b) Tài sản công không phải là tài sản cố định. | **Điều 32. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại cơ quan nhà nước**  2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật.  3. Người đứng đầu cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định tiêu hủy đối với:  a) Tài sản công là tài sản cố định theo thẩm quyền do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp.  b) Tài sản công không phải là tài sản cố định. | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 34 | **Điều 34. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**  2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật.  3. Người đứng đầu cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với:  a) Tài sản công là tài sản cố định theo thẩm quyền do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.  b) Tài sản công không phải là tài sản cố định. | **Điều 34. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**  2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.  3. Người đứng đầu cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với:  a) Tài sản công là tài sản cố định theo thẩm quyền do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.  b) Tài sản công không phải là tài sản cố định. | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Điểm c khoản 2 Điều 35a | **Điều 35a. Chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý**  2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý:  c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản công của cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý, xử lý. | **Điều 35a. Chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý**  2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản công về địa phương quản lý, xử lý:  c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản công của cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương quản lý, xử lý. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Bãi các khoản 1, 2, 6, 7, 8 và 12 Điều 36 | **Điều 36. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước**  1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan sau đây làm chủ tài khoản:  a) Cơ quan, đơn vị được bộ, cơ quan trung ương giao nhiệm vụ làm chủ tài khoản quản lý số tiền thu được từ xử lý tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.  b) Cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm chủ tài khoản quản lý số tiền thu được từ xử lý tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định xử lý.  c) Cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ tài khoản quản lý số tiền thu được từ xử lý tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định xử lý.  2. Tài khoản tạm giữ được theo dõi chi tiết đối với từng cơ quan có tài sản xử lý.  3. Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản công có trách nhiệm lập, phê duyệt dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 11 Điều này.  4. Nội dung chi phí liên quan đến xử lý tài sản công bao gồm:  a) Chi phí kiểm kê tài sản.  b) Chi phí đo, vẽ nhà, đất.  c) Chi phí xác định giá và thẩm định giá tài sản.  d) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ, tiêu hủy tài sản.  đ) Các khoản thù lao và chi phí liên quan đến việc đấu giá tài sản.  e) Chi phí niêm yết, thông báo công khai, cho xem tài sản, lựa chọn người được quyền mua tài sản trong trường hợp bán tài sản theo hình thức niêm yết giá.  g) Chi phí hợp lý khác có liên quan đến xử lý tài sản công.  5. Mức chi:  a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định;  b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo Hợp đồng ký kết theo quy định giữa cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật;  c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ xử lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.  6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nộp tiền vào tài khoản tạm giữ, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả chi phí xử lý tài sản hoặc có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán (văn bản nêu rõ lý do đề nghị gia hạn và thời gian gia hạn nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày có văn bản đề nghị gia hạn) hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí. Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về dự toán được duyệt, tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán và việc chậm gửi hồ sơ, văn bản.  Hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:  a) Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản (trong đó nêu rõ tổng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, dự toán chi phí được duyệt, tổng chi phí xử lý tài sản đề nghị thanh toán, thông tin về tài khoản tiền gửi của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản mở tại Kho bạc Nhà nước để tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính.  b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao.  7. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán, thanh lý tài sản để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công.  8. Định kỳ hằng quý, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp ngân sách trung ương (đối với tiền thu được từ xử lý tài sản của cơ quan nhà nước thuộc trung ương quản lý), ngân sách địa phương (đối với tiền thu được từ xử lý tài sản của cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước đối với các khoản thu từ xử lý tài sản công: a) Đã hoàn thành việc thanh toán chi phí hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán, thanh lý tài sản. b) Đã quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán, thanh lý tài sản nộp tiền vào tài khoản tạm giữ mà chủ tài khoản tạm giữ không nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí hoặc văn bản đề nghị gia hạn thanh toán hoặc văn bản xác nhận không phát sinh chi phí của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán, thanh lý tài sản.  9. Trường hợp cơ quan nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép xử lý tài sản công để mua sắm tài sản thay thế theo tiêu chuẩn, định mức thì được cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước ưu tiên bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước để thực hiện.  Trường hợp cơ quan nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép xử lý tài sản công là trụ sở làm việc và có dự án đầu tư xây dựng, mua sắm, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc thì được cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để thực hiện.  10. Trường hợp không phát sinh nguồn thu từ việc xử lý tài sản hoặc số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được chi từ dự toán ngân sách nhà nước giao (kể cả giao bổ sung) cho cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán, thanh lý tài sản hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan.  11. Trường hợp phá dỡ trụ sở làm việc cũ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc mới mà chi phí phá dỡ trụ sở làm việc cũ đã được bố trí trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc mới do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì việc lập, phê duyệt dự toán và thanh toán chi phí xử lý tài sản được thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật có liên quan.  12. Trường hợp phải chi trả các khoản chi phí thuê ngoài khi xử lý tài sản theo quy định trước khi chủ tài khoản tạm giữ cấp tiền thì được ứng trước từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan được giao nhiệm vụ xử lý tài sản để chi trả. | **Điều 36. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước**  3. Người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản công có trách nhiệm lập, phê duyệt dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 11 Điều này.  4. Nội dung chi phí liên quan đến xử lý tài sản công bao gồm:  a) Chi phí kiểm kê tài sản.  b) Chi phí đo, vẽ nhà, đất.  c) Chi phí xác định giá và thẩm định giá tài sản.  d) Chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ, tiêu hủy tài sản.  đ) Các khoản thù lao và chi phí liên quan đến việc đấu giá tài sản.  e) Chi phí niêm yết, thông báo công khai, cho xem tài sản, lựa chọn người được quyền mua tài sản trong trường hợp bán tài sản theo hình thức niêm yết giá.  g) Chi phí hợp lý khác có liên quan đến xử lý tài sản công.  5. Mức chi:  a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định;  b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo Hợp đồng ký kết theo quy định giữa cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật;  c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ xử lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.  9. Trường hợp cơ quan nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép xử lý tài sản công để mua sắm tài sản thay thế theo tiêu chuẩn, định mức thì được cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước ưu tiên bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước để thực hiện.  Trường hợp cơ quan nhà nước được cơ quan, người có thẩm quyền cho phép xử lý tài sản công là trụ sở làm việc và có dự án đầu tư xây dựng, mua sắm, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc thì được cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về ngân sách nhà nước ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để thực hiện.  10. Trường hợp không phát sinh nguồn thu từ việc xử lý tài sản hoặc số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được chi từ dự toán ngân sách nhà nước giao (kể cả giao bổ sung) cho cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán, thanh lý tài sản hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan.  11. Trường hợp phá dỡ trụ sở làm việc cũ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc mới mà chi phí phá dỡ trụ sở làm việc cũ đã được bố trí trong tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc mới do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt thì việc lập, phê duyệt dự toán và thanh toán chi phí xử lý tài sản được thực hiện theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật có liên quan. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 37 | **Điều 37. Mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập**  2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau: b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật, trừ trường hợp quy định tại điểm c1 khoản này.  c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm:  c1) Tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô);  c2) Tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô theo thẩm quyền do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp. | **Điều 37. Mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập**  2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau: b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ trường hợp quy định tại điểm c1 khoản này.  c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm:  c1) Tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô);  c2) Tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô theo thẩm quyền do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp. | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Điểm b khoản 2 Điều 37a | **Điều 37a. Mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công là vật tiêu hao phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập**  2. Thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao:  b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này. | **Điều 37a. Mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công là vật tiêu hao phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập**  2. Thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao:  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này. | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Điểm b khoản 1 Điều 38 | **Điều 38. Thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập**  1. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập:  b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này. | **Điều 38. Thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập**  1. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập:  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này. | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Điểm b khoản 2 Điều 40 | **Điều 40. Sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư**  2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được quy định như sau:  b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật. | **Điều 40. Sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công - tư**  2. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được quy định như sau:  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư. | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Điểm b khoản 4 Điều 41c | **Điều 41c. Khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập**  4. Việc khai thác tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị quy định tại Điều 41b Nghị định này được thực hiện như sau:  b) Thẩm quyền quyết định khai thác:  b2) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật, trừ trường hợp quy định tại điểm b3 khoản này; | **Điều 41c. Khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập**  4. Việc khai thác tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ trực tiếp cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị quy định tại Điều 41b Nghị định này được thực hiện như sau:  b) Thẩm quyền quyết định khai thác:  b2) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ trường hợp quy định tại điểm b3 khoản này; | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Đoạn cuối khoản 1 Điều 44 | **Điều 44. Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết**  1. Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm lập Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo Mẫu số 02/TSC-ĐA ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về Đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án quy định tại các Điều 56, 57 và 58 của Luật xem xét, phê duyệt.  Trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt đề án thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập giao bộ phận tham mưu lập đề án để trình người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt, không phải báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). | **Điều 44. Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết**  1. Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm lập Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo Mẫu số 02/TSC-ĐA ban hành kèm theo Nghị định này, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về Đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt Đề án quy định tại các Điều 56, 57 và 58 của Luật xem xét, phê duyệt.  Trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt đề án thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập giao bộ phận tham mưu lập đề án để trình phê duyệt, không phải báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có). | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 51 | **Điều 51. Thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập**  2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công:  b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật đối với tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương.  c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý đối với:  c1) Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản theo thẩm quyền do của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp;  c2) Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản | **Điều 51. Thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập**  2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công:  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương.  c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý đối với:  c1) Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản theo thẩm quyền do của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp;  c2) Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Điều 65 | **Điều 65. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân**  1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do Cục Tài chính - Bộ Quốc phòng làm chủ tài khoản (đối với cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng), Cục Kế hoạch và Tài chính - Bộ Công an làm chủ tài khoản (đối với cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công an).  2. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản công sau khi nộp vào tài khoản tạm giữ được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định này. | **Điều 65. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân**  1. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.  2. Viêc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định này. | Để đảm bảo phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày tháng năm 2025. |
|  | Khoản 4 Điều 86 | **Điều 86. Khai thác kho dự trữ quốc gia chưa sử dụng hết công suất**  4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc khai thác kho dự trữ quốc gia phải được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh khoản thu.  Cơ quan quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc khai thác kho dự trữ trình người đứng đầu cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp phê duyệt. Các chi phí liên quan đến việc khai thác kho dự trữ gồm:  a) Chi phí điện, nước;  b) Chi phí nhân viên bảo quản, bảo vệ;  c) Chi phí bảo quản tài sản;  d) Chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc khai thác kho dự trữ quốc gia.  Căn cứ quyết toán được người đứng đầu cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp phê duyệt, đề nghị của cơ quan quản lý hàng dự trữ quốc gia, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan quản lý hàng dự trữ quốc gia để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc khai thác kho, bãi. Hồ sơ, thủ tục cấp tiền từ tài khoản tạm giữ được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định này.  Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền thu được từ khai thác kho dự trữ của năm trước, sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác kho dự trữ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. | **Điều 86. Khai thác kho dự trữ quốc gia chưa sử dụng hết công suất**  4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc khai thác kho dự trữ quốc gia, sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc khai thác kho dự trữ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.  Người đứng đầu cơ quan quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm lập, phê duyệt dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc khai thác kho dự trữ. Các chi phí liên quan đến việc khai thác kho dự trữ gồm:  a) Chi phí điện, nước;  b) Chi phí nhân viên bảo quản, bảo vệ;  c) Chi phí bảo quản tài sản;  d) Chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc khai thác kho dự trữ quốc gia. | Để đảm bảo phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày tháng năm 2025. |
|  | Điểm b khoản 2 Điều 92 | **Điều 92. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án**  2. Đối với dự án thuộc địa phương quản lý:  b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật trong trường hợp giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; chuyển giao diện tích đất được giao (hoặc tạm giao) để phục vụ công tác thi công dự án cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã) sau khi hoàn thành việc thi công dự án. | **Điều 92. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án**  2. Đối với dự án thuộc địa phương quản lý:  b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người có thẩm quyền theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án trong trường hợp giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; chuyển giao diện tích đất được giao (hoặc tạm giao) để phục vụ công tác thi công dự án cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp xã) sau khi hoàn thành việc thi công dự án. | Để phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương. |
|  | Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 127 | **Điều 127. Trình tự, hồ sơ báo cáo kê khai lần đầu và báo cáo kê khai bổ sung**  2. Trường hợp đối tượng được giao báo cáo kê khai tài sản công được giao nhiệm vụ trực tiếp nhập dữ liệu đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô hoặc tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc trường hợp đối tượng được giao báo cáo kê khai tài sản công không được giao nhiệm vụ trực tiếp nhập dữ liệu, đối tượng được giao báo cáo kê khai tài sản công thực hiện lập 02 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản; gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đến: Cơ quan quản lý cấp trên (đối với tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc trung ương quản lý); sở, ban, ngành chủ quản, Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý); lưu 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.  3. Cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện:  a) Trường hợp cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản, Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao nhiệm vụ nhập dữ liệu, cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện cập nhật thông tin của tài sản được giao nhiệm vụ nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.  b) Trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công của bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính là cơ quan có trách nhiệm nhập dữ liệu hoặc trường hợp tài sản là nhà, đất, xe ô tô hoặc tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản, cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đã có xác nhận đến: Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công của bộ, cơ quan trung ương (đối với tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc trung ương quản lý); Sở Tài chính (đối với tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý).  4. Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công của bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính thực hiện:  a) Cập nhật thông tin của tài sản phải báo cáo kê khai thuộc phạm vi quản lý thuộc trách nhiệm nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.  b) Duyệt dữ liệu đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô hoặc tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản (trong trường hợp giao nhiệm vụ nhập dữ liệu cho đối tượng được giao báo cáo kê khai tài sản công hoặc cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản, Ủy ban nhân dân cấp huyện).  5. Hồ sơ báo cáo kê khai gồm:  a) Báo cáo kê khai theo mẫu do Bộ Tài chính quy định: 01 bản chính.  b) Hồ sơ có liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản báo cáo kê khai: 01 bản sao.  Đơn vị được giao báo cáo kê khai tài sản công được gửi hồ sơ báo cáo kê khai điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số. | **Điều 127. Trình tự, hồ sơ báo cáo kê khai lần đầu và báo cáo kê khai bổ sung**  2. Trường hợp đối tượng được giao báo cáo kê khai tài sản công được giao nhiệm vụ trực tiếp nhập dữ liệu đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô hoặc tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản hoặc trường hợp đối tượng được giao báo cáo kê khai tài sản công không được giao nhiệm vụ trực tiếp nhập dữ liệu, đối tượng được giao báo cáo kê khai tài sản công thực hiện lập 02 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản; gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đến: Cơ quan quản lý cấp trên (đối với tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc trung ương quản lý); sở, ban, ngành chủ quản, Ủy ban nhân dân cấp **xã** (đối với tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý); lưu 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.  3. Cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản, Ủy ban nhân dân cấp **xã** thực hiện:  a) Trường hợp cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản, Ủy ban nhân dân cấp **xã** được giao nhiệm vụ nhập dữ liệu, cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản, Ủy ban nhân dân cấp **xã** thực hiện cập nhật thông tin của tài sản được giao nhiệm vụ nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.  b) Trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công của bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính là cơ quan có trách nhiệm nhập dữ liệu hoặc trường hợp tài sản là nhà, đất, xe ô tô hoặc tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản, cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp **xã** xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý; gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đã có xác nhận đến: Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công của bộ, cơ quan trung ương (đối với tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc trung ương quản lý); Sở Tài chính (đối với tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý).  4. Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công của bộ, cơ quan trung ương, Sở Tài chính thực hiện:  a) Cập nhật thông tin của tài sản phải báo cáo kê khai thuộc phạm vi quản lý thuộc trách nhiệm nhập dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.  b) Duyệt dữ liệu đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô hoặc tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản (trong trường hợp giao nhiệm vụ nhập dữ liệu cho đối tượng được giao báo cáo kê khai tài sản công hoặc cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản, Ủy ban nhân dân cấp **xã**).  5. Hồ sơ báo cáo kê khai gồm:  a) Báo cáo kê khai theo mẫu do Bộ Tài chính quy định: 01 bản chính.  b) Hồ sơ có liên quan đến quyền quản lý, sử dụng tài sản báo cáo kê khai: 01 bản sao.  Đơn vị được giao báo cáo kê khai tài sản công được gửi hồ sơ báo cáo kê khai điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 2 Điều 131 | **Điều 131. Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công**  2. Nội dung báo cáo của cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện:  a) Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công: Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;  b) Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;  c) Kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài sản công. | **Điều 131. Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công**  2. Nội dung báo cáo của cơ quan quản lý cấp trên, sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp **xã:**  a) Tình hình quản lý, sử dụng tài sản công: Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;  b) Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;  c) Kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng tài sản công. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Bổ sung khoản 3 Điều 137a | **Không quy định.** | 3. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không tổ chức các phòng chuyên môn thì Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được quy định tại Nghị định này. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Khoản 3 Điều 3 Nghị định 50/2025/NĐ-CP | **Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp**  3. Cơ quan, đơn vị của bộ, cơ quan trung ương được giao nhiệm vụ làm chủ tài khoản tạm giữ quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định này có trách nhiệm mở tài khoản tạm giữ theo quy định trước ngày 31 tháng 5 năm 2025. Số tiền thu được từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức thuộc trung ương quản lý được nộp vào tài khoản tạm giữ do cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm chủ tài khoản đến ngày 31 tháng 5 năm 2025; cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý số tiền đã nộp vào tài khoản tạm giữ (bao gồm cả số tiền đã nộp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành) theo quy định tại khoản 6 Điều 36 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định này), khoản 7 Điều 36 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và khoản 8 Điều 36 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) đến khi hoàn thành việc chuyển nộp vào ngân sách nhà nước. | **Được bãi bỏ.** | Để đảm bảo phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày tháng năm 2025. |
| **III** | **Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam** *(12 nội dung)* | | | |
|  | Khoản 2, khoản 3 Điều 2 | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  2. Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Văn phòng tỉnh ủy); cơ quan của Đảng ở tỉnh ủy, thành ủy và Văn phòng huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy các huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố và tương đương (sau đây gọi là Văn phòng huyện ủy) là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy.  3. Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  2. Văn phòng tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Văn phòng tỉnh ủy); cơ quan của Đảng ở tỉnh ủy, thành ủy; đảng ủy cấp xã.  3. Được bãi bỏ. | Tại Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 2/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương đã thông qua nội dung về hệ thống tổ chức đảng ở địa phương: Đồng ý chủ trương lập tổ chức đảng ở địa phương tương ứng với hệ thống hành chính cấp tỉnh, cấp xã. Kết thúc hoạt động của đảng bộ cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố, quận trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương). Lập tổ chức đảng tương ứng với đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã theo đúng Điều lệ Đảng, quy định của Trung ương. Vì vậy, cần thiết phải điều chỉnh các quy định tương ứng về quản lý tài sản tại cơ quan Đảng ở cấp huyện, cấp xã để phù hợp với mô hình tổ chức mới. |
|  | Điểm b khoản 2 Điều 5 | **Điều 5. Trách nhiệm quản lý tài sản tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng**  2. Văn phòng tỉnh ủy:  b) Làm đầu mối và trực tiếp quản lý tài sản tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng ở cấp tỉnh và cấp huyện là đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy; | **Điều 5. Trách nhiệm quản lý tài sản tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng**  2. Văn phòng tỉnh ủy:  b) Làm đầu mối và trực tiếp quản lý tài sản tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng ở cấp tỉnh; |
|  | Điểm e khoản 3 Điều 9 | **Điều 9. Giao tài sản bằng hiện vật cho cơ quan của Đảng**  3. Thẩm quyền quyết định giao tài sản:  e) Việc giao tài sản cho Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện được thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ quan nhà nước. | Được bãi bỏ |
|  | Điểm d khoản 5 Điều 13 | **Điều 13. Mua sắm tài sản tại cơ quan của Đảng**  5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản:  d) Ban thường vụ huyện ủy quyết định việc mua sắm tài sản từ nguồn quỹ dự trữ ngân sách Đảng phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; | **Điều 13. Mua sắm tài sản tại cơ quan của Đảng**  5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản:  d) Đảng ủy cấp xã quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản phục vụ hoạt động tại cơ quan Đảng ủy cấp xã. |
|  | Khoản 2, khoản 3 Điều 24 | **Điều 24. Thu hồi tài sản tại cơ quan của Đảng**  2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản tại cơ quan của Đảng:  b) Ban thường vụ tỉnh ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy;  c) **Ban thường vụ huyện ủy** quyết định thu hồi tài sản được hình thành từ nguồn quỹ dự trữ ngân sách Đảng phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước **cấp huyện**;  d) Cơ quan, người có thẩm quyền theo phân cấp của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước tại **Văn phòng huyện ủy** là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước **cấp huyện**.  3. Trình tự, thủ tục thu hồi và xử lý, khai thác tài sản tại cơ quan của Đảng sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ quan nhà nước.  Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều này quyết định thu hồi. Văn phòng tỉnh ủy tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều này quyết định thu hồi. **Văn phòng huyện ủy** tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều này quyết định thu hồi. Sở Tài chính, **Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện** tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 2 Điều này quyết định thu hồi” | **Điều 24. Thu hồi tài sản tại cơ quan của Đảng**  2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản tại cơ quan của Đảng:  b) Ban thường vụ tỉnh ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản tại cơ quan của Đảng ở địa phương;  c) Được bãi bỏ.  d) Được bãi bỏ.  3. Trình tự, thủ tục thu hồi và xử lý, khai thác tài sản tại cơ quan của Đảng sau khi thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật áp dụng đối với cơ quan nhà nước.  Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản đối với tài sản do Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định thu hồi.  Văn phòng tỉnh ủy tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản đối với tài sản do Ban thường vụ tỉnh uỷ quyết định thu hồi.  Cơ quan của người có thẩm quyền quyết định thu hồi theo phân cấp của Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban thường vụ tỉnh ủy tổ chức thực hiện quyết định thu hồi tài sản do người có thẩm quyền quyết định thu hồi theo phân cấp của Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban thường vụ tỉnh ủy quyết định thu hồi. |
|  | Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 25 | **Điều 25. Điều chuyển tài sản tại cơ quan của Đảng**  2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản tại cơ quan của Đảng:  b) Ban thường vụ tỉnh ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, đơn vị của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy; điều chuyển tài sản từ các cơ quan, đơn vị của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy sang **Văn phòng huyện ủy** là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước **cấp huyện** theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có tài sản và **Ban thường vụ huyện ủy** có liên quan;  c) Ban thường vụ tỉnh ủy quyết định điều chuyển tài sản từ các cơ quan, đơn vị của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước **cấp huyện** sang các cơ quan, đơn vị của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có tài sản; cơ quan, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận tài sản và ý kiến của **Ủy ban nhân dân cấp huyện** có liên quan;” | **Điều 25. Điều chuyển tài sản tại cơ quan của Đảng**  2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản tại cơ quan của Đảng:  b) Ban thường vụ tỉnh ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, đơn vị của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy; điều chuyển tài sản từ các cơ quan, đơn vị của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy sang đảng ủy cấp xã theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có tài sản và Ban thường vụ Đảng ủy cấp xã có liên quan;  c) Được bãi bỏ. |
|  | Điểm d khoản 2 Điều 26 | **Điều 26. Bán tài sản tại cơ quan của Đảng**  2. Thẩm quyền quyết định bán tài sản tại cơ quan của Đảng trong trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này:  d) **Ban thường vụ huyện ủy** quyết định bán tài sản được hình thành từ nguồn quỹ dự trữ ngân sách Đảng tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước **cấp huyện**; | **Điều 26. Bán tài sản tại cơ quan của Đảng**  2. Thẩm quyền quyết định bán tài sản tại cơ quan của Đảng trong trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này:  d) Đảng ủy cấp xã quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản tại đảng ủy cấp xã. |
|  | Điểm c khoản 3 Điều 27 | **Điều 27. Thanh lý tài sản tại cơ quan của Đảng**  3. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản tại cơ quan của Đảng:  c) **Ban thường vụ huyện ủy** quyết định thanh lý tài sản được hình thành từ nguồn quỹ dự trữ ngân sách Đảng tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước **cấp huyện**; | **Điều 27. Thanh lý tài sản tại cơ quan của Đảng**  3. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản tại cơ quan của Đảng:  c) Đảng ủy cấp xã quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản tại đảng ủy cấp xã. |
|  | Điểm c khoản 2 Điều 28 | **Điều 28. Tiêu hủy tài sản tại cơ quan của Đảng**  2. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản:  c) **Ban thường vụ huyện ủy** quyết định tiêu hủy tài sản được hình thành từ nguồn quỹ dự trữ ngân sách Đảng tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước **cấp huyện**; | **Điều 28. Tiêu hủy tài sản tại cơ quan của Đảng**  2. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản:  c) Đảng ủy cấp xã quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản tại đảng ủy cấp xã. |
|  | Điểm c khoản 2 Điều 29 | **Điều 29. Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**  2. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:  c) **Ban thường vụ huyện ủy** quyết định xử lý tài sản được hình thành từ nguồn quỹ dự trữ ngân sách Đảng tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước **cấp huyện** trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; | **Điều 29. Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**  2. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:  c) Đảng ủy cấp xã quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử tài sản tại đảng ủy cấp xã trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại. |
|  | Điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 32 | **Điều 32. Báo cáo tài sản tại cơ quan của Đảng**  4. Trình tự báo cáo đối với tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật hoặc đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước:  a) **Văn phòng huyện ủy** là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện gửi báo cáo tài sản đến Văn phòng tỉnh ủy và **Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện**; **Văn phòng huyện ủy** là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh, cơ quan của Đảng ở cấp tỉnh gửi báo cáo tài sản đến Văn phòng tỉnh ủy;  5. Trình tự báo cáo đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 4 Điều này:  a) **Văn phòng huyện ủy** là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện gửi báo cáo tài sản đến Văn phòng tỉnh ủy; **Văn phòng huyện ủy** là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy, cơ quan của Đảng ở cấp tỉnh gửi báo cáo tài sản đến Văn phòng tỉnh ủy; | **Điều 32. Báo cáo tài sản tại cơ quan của Đảng**  4. Trình tự báo cáo đối với tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật hoặc đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước:  a) Đảng ủy cấp xã gửi báo cáo tài sản đến Văn phòng tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân cấp xã;  5. Trình tự báo cáo đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 4 Điều này:  a) Đảng ủy cấp xã gửi báo cáo tài sản đến Văn phòng tỉnh ủy; |
|  | Điều 48 | **Điều 48. Quản lý, sử dụng tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho cơ quan của Đảng ở cấp huyện là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện**  Thẩm quyền quyết định, thủ tục xác lập quyền sở hữu, bảo quản, xử lý tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện thực hiện theo Nghị định của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. | Được bãi bỏ. |
| **IV** | **Nghị định số 85/2018/NĐ-CP ngày 30/5/2018 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân** *(02 nội dung)* | | | |
|  | Phụ lục 1 | **PHỤ LỤC I**  ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA ĐƠN VỊ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG   | **STT** | **Cơ quan, đơn vị** | **Định mức trang bị tối đa** | | --- | --- | --- | | 5 | Cơ quan Ban chỉ huy Quân sự quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 01 xe/đơn vị | | 17 | Các đơn vị chiến đấu: Bộ Tư lệnh vùng Hải quân, Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển, Sư đoàn, Lữ đoàn, Trung đoàn và tương đương trở lên và các trường hợp đặc thù khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định số lượng xe ô tô để thực hiện nhiệm vụ. |  | | **PHỤ LỤC I**  ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA ĐƠN VỊ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG   | **STT** | **Cơ quan, đơn vị** | **Định mức trang bị tối đa** | | --- | --- | --- | | 5 | Được bãi bỏ |  | | 17 | Các đơn vị chiến đấu: Bộ Tư lệnh vùng Hải quân, Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển, Sư đoàn, Lữ đoàn, Trung đoàn và tương đương trở lên *cơ quan Ban chỉ huy Quân sự các xã, phường, đặc khu,* và các trường hợp đặc thù khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định số lượng xe ô tô để thực hiện nhiệm vụ. |  | | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Phụ lục 2 | **PHỤ LỤC II**  ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA ĐƠN VỊ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN THUỘC BỘ CÔNG AN   | **TT** | **Cơ quan, đơn vị** | **Định mức trang bị tối đa** | | --- | --- | --- | | **IV** | **Các đơn vị khác** |  | | 13 | Các đơn vị chiến đấu từ cấp Trung đoàn trở lên và các đơn vị đặc thù khác do Bộ trưởng Bộ Công an quy định số lượng xe ô tô để thực hiện nhiệm vụ cho phù hợp với thực tế |  | | **PHỤ LỤC II**  ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA ĐƠN VỊ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN THUỘC BỘ CÔNG AN   | **TT** | **Cơ quan, đơn vị** | **Định mức trang bị tối đa** | | --- | --- | --- | | **IV** | **Các đơn vị khác** |  | | 13 | Các đơn vị chiến đấu từ cấp Trung đoàn trở lên, Công an các xã, phường, đặc khu và các đơn vị đặc thù khác do Bộ trưởng Bộ Công an quy định số lượng xe ô tô để thực hiện nhiệm vụ cho phù hợp với thực tế |  | | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
| **V** | **Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác** *(11 nội dung)* | | | |
|  | Khoản 3 Điều 6 | **Điều 6. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao nhà, đất cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà để quản lý, khai thác**  3. Trình tự, thủ tục giao nhà, đất quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị định này cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà để quản lý, khai thác:  a) Căn cứ kết quả rà soát, phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định này, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hoặc Sở Giao thông - Xây dựng (gọi chung là Sở Xây dựng), Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch và Kiến trúc (nếu có), Cục Thuế, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan (nếu cần), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao nhà, đất cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà để quản lý, khai thác. | **Điều 6. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao nhà, đất cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà để quản lý, khai thác**  3. Trình tự, thủ tục giao nhà, đất quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 Nghị định này cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà để quản lý, khai thác:  a) Căn cứ kết quả rà soát, phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định này, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hoặc Sở Giao thông - Xây dựng (gọi chung là Sở Xây dựng), *Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường*, Sở Quy hoạch và Kiến trúc (nếu có), *Chi cục Thuế khu vực, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã)* và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan (nếu cần), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao nhà, đất cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà để quản lý, khai thác. | - Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện.  - Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH5 của Quốc hội về quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy. |
|  | Khoản 4 Điều 9 | **Điều 9. Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất**  4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất theo quy định tại khoản 3 Điều này, Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch và Kiến trúc (nếu có), Cục Thuế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan (nếu cần) thẩm định sự phù hợp của nội dung kế hoạch thực hiện của năm sau với các căn cứ xây dựng Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. | **Điều 9. Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất**  4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất theo quy định tại khoản 3 Điều này, Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, *Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường,* Sở Quy hoạch và Kiến trúc (nếu có), *Chi cục Thuế khu vực, Ủy ban nhân dân cấp xã* và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan (nếu cần) thẩm định sự phù hợp của nội dung kế hoạch thực hiện của năm sau với các căn cứ xây dựng Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. | - Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện.  - Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH5 của Quốc hội về quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy. |
|  | Khoản 1 Điều 13 | **Điều 13. Bảng giá cho thuê nhà**  1. …  Căn cứ đơn giá cho thuê nhà theo kết quả tư vấn của doanh nghiệp thẩm định giá (đã bao gồm mức tiền thuê đất), tổ chức quản lý, kinh doanh nhà gửi Sở Tài chính để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định ban hành Bảng giá cho thuê nhà đối với nhà, đất được giao để cho thuê, sau khi có ý kiến của Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch và Kiến trúc (nếu có), Cục Thuế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan quản lý cấp trên của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà (nếu có) và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan (nếu cần). Bảng giá cho thuê nhà được ban hành dưới hình thức văn bản hành chính. | **Điều 13. Bảng giá cho thuê nhà**  1. …  Căn cứ đơn giá cho thuê nhà theo kết quả tư vấn của doanh nghiệp thẩm định giá (đã bao gồm mức tiền thuê đất), tổ chức quản lý, kinh doanh nhà gửi Sở Tài chính để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định ban hành Bảng giá cho thuê nhà đối với nhà, đất được giao để cho thuê, sau khi có ý kiến của Sở Xây dựng, *Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường,* Sở Quy hoạch và Kiến trúc (nếu có), *Chi cục Thuế khu vực, Ủy ban nhân dân cấp xã*, cơ quan quản lý cấp trên của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà (nếu có) và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan (nếu cần). Bảng giá cho thuê nhà được ban hành dưới hình thức văn bản hành chính. | - Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện.  - Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 190/2025/QH5 của Quốc hội về quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy. |
|  | Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 16 | Chưa có quy định. | **Điều 16. Tiền thuê nhà**  2a. Trường hợp Chính phủ quy định giảm tiền thuê đất cho một số đối tượng để thực hiện các biện pháp điều hành kinh tế xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai 2024 thì Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giảm tiền thuê nhà cho các đối tượng này nhưng không vượt quá mức giảm tiền thuê đất theo quy định của Chính phủ. Trình tự, thủ tục giảm tiền thuê nhà thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này. | Trong thực tế phát sinh trường hợp để điều hành kinh tế xã hội thì Chính phủ quy định giảm tiền thuê đất cho một số đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai 2024 (như giảm 30% tiền thuê đất cho người thuê đất trưc tiếp của Nhà nước các năm 2023, 2024,…). Vì vậy để đảm bảo công bằng thì cũng cần phải quy định những đối tượng đang thuê nhà của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà cũng được hưởng ưu đãi giảm tiền thuê nhà tương tự như quy định về giảm tiền thuê đất, với thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định nhưng mức giảm không vượt quá mức giảm tiền thuê đất theo quy định của Chính phủ. |
|  | Điểm c khoản 3 Điều 17 | **Điều 17. Thu hồi nhà cho thuê**  3. Trường hợp tổ chức, cá nhân thuê nhà thuộc trường hợp thu hồi nhà cho thuê quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không bàn giao lại nhà thuê cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà theo thời hạn quy định thì tổ chức quản lý, kinh doanh nhà báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để thực hiện cưỡng chế thu hồi nhà. Trình tự, thủ tục cưỡng chế thu hồi nhà được thực hiện như sau:  c) Trên cơ sở Quyết định cưỡng chế thu hồi nhà, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể trực tiếp hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có nhà cho thuê tổ chức cưỡng chế thu hồi và bàn giao lại nhà cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà quản lý theo quy định. Việc bàn giao nhà phải lập biên bản có xác nhận của các cơ quan tham gia cưỡng chế thu hồi. | **Điều 17. Thu hồi nhà cho thuê**  3. Trường hợp tổ chức, cá nhân thuê nhà thuộc trường hợp thu hồi nhà cho thuê quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không bàn giao lại nhà thuê cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà theo thời hạn quy định thì tổ chức quản lý, kinh doanh nhà báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để thực hiện cưỡng chế thu hồi nhà. Trình tự, thủ tục cưỡng chế thu hồi nhà được thực hiện như sau:  c) Trên cơ sở Quyết định cưỡng chế thu hồi nhà, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể trực tiếp hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà cho thuê tổ chức cưỡng chế thu hồi và bàn giao lại nhà cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà quản lý theo quy định. Việc bàn giao nhà phải lập biên bản có xác nhận của các cơ quan tham gia cưỡng chế thu hồi. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 21 | Chưa có quy định. | **Điều 21. Bảo trì, cải tạo, sửa chữa, xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất tại nhà, đất cho thuê**  5. Việc lập dự toán cải tạo, sửa chữa nhà, công trình gắn liền với đất tại nhà, đất cho thuê quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này áp dụng đối với tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là đơn vị sự nghiệp công lập. | Tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP quy định tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là tổ chức được UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất, gồm: (1) Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác của địa phương được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất hoặc phát triển, quản lý, khai thác quỹ đất; (2) Doanh nghiệp do UBND cấp tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất. Đồng thời, Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (Điều 21, 22, 23 và 27) quy định các nội dung liên quan đến việc tổ chức quản lý, kinh doanh nhà lập dự toán, quyết toán NSNN để thực hiện nhiệm vụ đối với hoạt động quản lý, sử dụng, khai thác nhà, đất được giao; bảo trì, cải tạo, sửa chữa, xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất tại nhà, đất cho thuê; việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác nhà, đất được giao. Tuy nhiên, việc áp dụng các quy định trên đối với doanh nghiệp do UBND cấp tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất gặp vướng mắc khi áp dụng phát luật NSNN hiện hành với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng TSC (theo Luật NSNN năm 2015 thì “đơn vị dự toán ngân sách” là cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách; không có doanh nghiệp). Do vậy để có cơ sở cho Công ty quản lý, kinh doanh nhà quản lý, xử lý, khai thác, phù hợp quy định của pháp luật về tài sản công, pháp luật về NSNN năm 2015 (được sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH14 - khoản 7 Điều 4 đã quy định giao dự toán NSNN cho doanh nghiệp quản lý vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (đường sắt quốc gia, đường thuỷ nội địa, thuỷ lợi, hàng không, hàng hải). Tuy nhiên, theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (bao gồm Nghị định số 108/2024/NĐ-CP) thì còn có các quy định giao tài sản công khác ngoài TSKCHT cho doanh nghiệp quản lý, khai thác. Vì vậy, việc quy định chỉ cho đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng như hiện nay là chưa đầy đủ về đối tượng, phạm vi). |
|  | Khoản 8 Điều 22 | **Điều 22. Xử lý nhà, đất**  8. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà được thực hiện như quy định về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản công áp dụng đối với cơ quan nhà nước quy định tại Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. | **Điều 22. Xử lý nhà, đất**  8. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện như quy định về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản công áp dụng đối với cơ quan nhà nước quy định tại Điều 48 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là Công ty quản lý, kinh doanh nhà thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 99 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. |
|  | Khoản 2 Điều 23 | **Điều 23. Quản lý số tiền thu được từ khai thác nhà, đất**  2. Tổ chức quản lý, kinh doanh nhà có trách nhiệm nộp đầy đủ số tiền thu được từ khai thác nhà, đất (tiền thuê nhà, tiền chậm nộp, chi phí sử dụng nhà, đất tạm thời theo quy định tại khoản 1 Điều này), số tiền thu được do lắp đặt công trình viễn thông trên nhà, đất của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà theo quy định của pháp luật về viễn thông phát sinh trong tháng vào ngân sách nhà nước trước ngày 30 của tháng đó. | **Điều 23. Quản lý số tiền thu được từ khai thác nhà, đất**  2. Tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm nộp đầy đủ số tiền thu được từ khai thác nhà, đất (tiền thuê nhà, tiền chậm nộp, chi phí sử dụng nhà, đất tạm thời theo quy định tại khoản 1 Điều này), số tiền thu được do lắp đặt công trình viễn thông trên nhà, đất của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà theo quy định của pháp luật về viễn thông phát sinh trong tháng vào ngân sách nhà nước trước ngày 30 của tháng đó. Đối với tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là Công ty quản lý, kinh doanh nhà thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 99 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. |
|  | Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 27 | Chưa có quy định. | **Điều 27. Lập dự toán, quyết toán thu, chi đối với hoạt động quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà**  3. Việc lập dự toán, quyết toán thu, chi đối với hoạt động quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này áp dụng đối với tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là đơn vị sự nghiệp công lập. Đối với tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là Công ty quản lý, kinh doanh nhà, việc thu, chi đối với hoạt động quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà thực hiện theo quy định của Nghị định này, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật có liên quan; trường hợp số tiền thu được từ hoạt động quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất không đủ chi trả các chi phí có liên quan thì được bố trí từ dự toán ngân sách nhà nước để chi trả phần còn thiếu; Sở Xây dựng có trách nhiệm thực hiện các nội dung liên quan đến việc dự toán, quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước đối với khoản ngân sách nhà nước chi trả phần còn thiếu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trên cơ sở đề nghị của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà là Công ty quản lý, kinh doanh nhà. |
|  | Khoản 1 Điều 31 | **Điều 31. Xử lý chuyển tiếp**  1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành có liên quan và **Ủy ban nhân dân cấp huyện** hoàn thành việc rà soát lại toàn bộ quỹ nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở đang giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quản lý theo các mục đích quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này để phân loại và quản lý, xử lý như sau:… | **Điều 31. Xử lý chuyển tiếp**  1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, *Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường*, các sở, ngành có liên quan và **Ủy ban nhân dân cấp xã** hoàn thành việc rà soát lại toàn bộ quỹ nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở đang giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quản lý theo các mục đích quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này để phân loại và quản lý, xử lý như sau:… | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Mẫu số 02 | Mẫu số 02: Biên bản rà soát, xác định nhu cầu khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà  Đại diện Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc địa phương (nơi có nhà, đất):…  Trên cơ sở báo cáo, kê khai của các đơn vị có liên quan (tổ chức quản lý, kinh doanh nhà, **Ủy ban nhân dân cấp huyện,...**)…  Ý kiến của sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện: | Mẫu số 02: Biên bản rà soát, xác định nhu cầu khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức quản lý, kinh doanh nhà  Đại diện Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc địa phương (nơi có nhà, đất):…  Trên cơ sở báo cáo, kê khai của các đơn vị có liên quan (tổ chức quản lý, kinh doanh nhà, **Ủy ban nhân dân cấp xã,...**)…  Ý kiến của sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện: | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
| **VI** | **Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch** *(04 nội dung)* | | | |
|  | Điểm b khoản 4 Điều 3 | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  4. Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm:  b) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch ở địa phương là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).  Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh, gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  4. Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm:  b) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch ở địa phương là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).  Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Bãi bỏ điểm đ khoản 4 và khoản 5 Điều 28 | **Điều 28. Trách nhiệm thi hành**  4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:  đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các biện pháp phối hợp, kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định này.  5. Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp, kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định này. | Được bãi bỏ. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm a khoản 4 Điều 3, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 28 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” | Chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan chuyên môn tại địa phương đã được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật. |
|  | Khoản 4 Điều 8, khoản 8 Điều 15, điểm c khoản 9 Điều 26 | Cục Thuế | Thay thế cụm từ “Cục Thuế” bằng cụm từ “Cơ quan thuế theo thẩm quyền”. |
| **VIII** | **Nghị định 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ** *(11 nội dung)* | | | |
|  | Khoản 2, khoản 3 Điều 2 | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  2. Cơ quan quản lý đường bộ, gồm:  a) Cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương là tổ chức trực thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giao thông đường bộ và được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ là cơ quan quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.  b) Cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về giao thông đường bộ.  c) Cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về giao thông đường bộ.  d) Cơ quan quản lý đường bộ cấp xã là Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).  3. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản), gồm:  a) Cơ quan quản lý tài sản ở trung ương là cơ quan quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.  b) Cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh là cơ quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.  c) Cơ quan quản lý tài sản cấp huyện là cơ quan quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.  d) Cơ quan quản lý tài sản cấp xã là cơ quan quy định tại điểm d khoản 2 Điều này”. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  2. Cơ quan quản lý đường bộ, gồm:  a) Cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương là tổ chức trực thuộc Bộ Xây dựng thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giao thông đường bộ.  b) Cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về giao thông đường bộ.  c) Cơ quan quản lý đường bộ cấp xã là Ủy ban nhân dân cấp xã.  3. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản), gồm:  a) Cơ quan quản lý tài sản ở trung ương là cơ quan quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.  b) Cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh là cơ quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.  c) Cơ quan quản lý tài sản cấp xã là cơ quan quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. | - Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện.  - Chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan chuyên môn tại địa phương đã được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật. |
|  | Điểm b khoản 1 Điều 5 | **Điều 5. Phạm vi và hình thức giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cho cơ quan quản lý tài sản**  1. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này như sau:  b) Cơ quan quản lý tài sản ở địa phương (gồm: Cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh; cơ quan quản lý tài sản cấp huyện; cơ quan quản lý tài sản cấp xã) được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc địa phương quản lý”. | **Điều 5. Phạm vi và hình thức giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cho cơ quan quản lý tài sản**  1. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này như sau:  b) Cơ quan quản lý tài sản ở địa phương (gồm: Cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh; cơ quan quản lý tài sản cấp xã) được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc địa phương quản lý. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm b khoản 2 Điều 7 | **Điều 7. Trình tự, thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**  2. …  b) Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Giao thông vận tải (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan dự kiến được giao quản lý tài sản (trong trường hợp dự kiến giao cho cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện, cơ quan quản lý đường bộ cấp xã): 01 bản chính”. | **Điều 7. Trình tự, thủ tục giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**  2. …  b) Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan dự kiến được giao quản lý tài sản (trong trường hợp dự kiến giao cho cơ quan quản lý đường bộ cấp xã): 01 bản chính.”. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm b khoản 4 và khoản 8 Điều 13 | **Điều 13. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác**  4. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:  b) Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã quản lý:  b1) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:  Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;  Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;  Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;  Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.  b2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b1 khoản này, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, có ý kiến gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:  Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;  Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định này sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;  Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;  Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;  Hồ sơ quy định tại điểm b1 khoản này: 01 bản sao.  b3) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b2 khoản này, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản. Hồ sơ gồm:  Tờ trình của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;  Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định này sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;  Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;  Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;  Hồ sơ quy định tại điểm b2 khoản này: 01 bản sao.  8. Đối với các tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phục vụ mục đích công cộng (không phát sinh nguồn thu từ khai thác tài sản), cơ quan quản lý tài sản thực hiện quản lý, sử dụng, khai thác theo quy định; không phải lập Đề án khai thác tài sản theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, và 7 Điều này. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) quyết định danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý phục vụ mục đích công cộng. Trình tự, thủ tục thực hiện như sau:  a) Cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) lập hồ sơ đề nghị phê duyệt danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phục vụ mục đích công cộng (không phát sinh nguồn thu từ khai thác tài sản), báo cáo Bộ Giao thông vận tải (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý). Hồ sơ đề nghị gồm:  Tờ trình của cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) về việc đề nghị phê duyệt danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phục vụ mục đích công cộng: 01 bản chính;  Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phục vụ mục đích công cộng theo Mẫu số 01B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;  Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan quản lý tài sản cấp huyện (đối với tài sản thuộc cấp huyện quản lý) gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phục vụ mục đích công cộng: 01 bản sao;  Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.  b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phục vụ mục đích công cộng (không phải lập Đề án khai thác tài sản) hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chưa phù hợp”. | **Điều 13. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác**  4. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:  b) Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý:  b1) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản, báo cáo cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh để xem xét, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị gồm:  Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;  Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;  Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;  Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.  b2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b1 khoản này, cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản. Hồ sơ gồm:  Tờ trình của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;  Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục kèm theo Nghị định này sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;  Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản chính;  Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;  Hồ sơ quy định tại điểm b1 khoản này: 01 bản sao.  8. Đối với các tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phục vụ mục đích công cộng (không phát sinh nguồn thu từ khai thác tài sản), cơ quan quản lý tài sản thực hiện quản lý, sử dụng, khai thác theo quy định; không phải lập Đề án khai thác tài sản theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, và 7 Điều này. Bộ trưởng Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) quyết định danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý phục vụ mục đích công cộng. Trình tự, thủ tục thực hiện như sau:  a) Cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) lập hồ sơ đề nghị phê duyệt danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phục vụ mục đích công cộng (không phát sinh nguồn thu từ khai thác tài sản), báo cáo Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý). Hồ sơ đề nghị gồm:  Tờ trình của cơ quan quản lý đường bộ ở trung ương (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) về việc đề nghị phê duyệt danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phục vụ mục đích công cộng: 01 bản chính;  Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phục vụ mục đích công cộng theo Mẫu số 01B tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;  Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã gửi cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phục vụ mục đích công cộng (đối với tài sản do cấp xã quản lý): 01 bản sao;  Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.  b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phục vụ mục đích công cộng (không phải lập Đề án khai thác tài sản) hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chưa phù hợp. | - Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện.  - Chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan chuyên môn tại địa phương đã được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật. |
|  | Điểm a khoản 2 Điều 18 | **Điều 18. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**  2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại các Điều 14, 15 và 16 Nghị định này:  a) Số tiền thu được từ chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (bao gồm cả số tiền chậm nộp, nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan sau đây làm chủ tài khoản:  Cơ quan được Bộ Giao thông vận tải chỉ định làm chủ tài khoản đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.  Sở Tài chính đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý.  Phòng Tài chính Kế hoạch đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã quản lý. | **Điều 18. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**  2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại các Điều 14, 15 và 16 Nghị định này:  a) Số tiền thu được từ chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (bao gồm cả số tiền chậm nộp, nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan sau đây làm chủ tài khoản:  Cơ quan được Bộ Xây dựng chỉ định làm chủ tài khoản đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý;  Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định làm chủ tài khoản đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý;  Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định hoặc Uỷ ban nhân dân cấp xã làm chủ tài khoản đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý. | Chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan chuyên môn tại địa phương đã được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật. |
|  | Điểm a khoản 4 Điều 21 | **Điều 21. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**  4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này):  a) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:  Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có): 01 bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện hoặc cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;  Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này).  Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.” | **Điều 21. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**  4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này):  a) Cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:  Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có): 01 bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị thu hồi tài sản: 01 bản chính;  Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt theo quy định (trong trường hợp thu hồi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này);  Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm c khoản 2, điểm a, điểm d khoản 4 Điều 23 | **Điều 23. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý**  2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý:  c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý, xử lý, trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này.  4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý:  a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cần chuyển giao, cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:  Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện hoặc cơ quan quản lý đường bộ cấp xã quản lý) về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính.  d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiếp nhận tài sản và giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện)”. | **Điều 23. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý**  2. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý:  c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc ban hành Quy định thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý, xử lý, trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này  4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về địa phương quản lý, xử lý:  a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cần chuyển giao, cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:  Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý: 01 bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý đường bộ cấp xã quản lý) về việc đề nghị chuyển giao tài sản: 01 bản chính  d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiếp nhận tài sản và giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp xã). | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Khoản 1, khoản 2 Điều 27 | **Điều 27. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**  1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước do cơ quan sau đây làm chủ tài khoản:  a) Cơ quan được Bộ Giao thông vận tải chỉ định làm chủ tài khoản đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.  b) Sở Tài chính đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý.  c) Phòng Tài chính Kế hoạch đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện, cấp xã quản lý.  2. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản, trình Thủ trưởng cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phê duyệt, sau khi có ý kiến thẩm định của:  a) Cơ quan quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.  b) Sở Tài chính đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý.  c) Phòng Tài chính Kế hoạch đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện hoặc cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý”. | **Điều 27. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**  1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước do cơ quan sau đây làm chủ tài khoản:  a) Cơ quan được Bộ Xây dựng chỉ định làm chủ tài khoản đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.  b) Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định làm chủ tài khoản đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý.  c) Uỷ ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định làm chủ tài khoản đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý.  2. Cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản, trình Thủ trưởng cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phê duyệt, sau khi có ý kiến thẩm định của:  a) Cơ quan quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý.  b) Cơ quan quy định tại điểm b khoản 1 Điều này đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh quản lý.  c) Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định hoặc Uỷ ban nhân dân cấp xã làm chủ tài khoản đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý.”. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm a khoản 3 Điều 28 | **Điều 28. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được đầu tư theo phương thức đối tác công tư**  3. Trình tự, thủ tục sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:  a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:  Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (trong đó nêu rõ lý do sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư): 01 bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện hoặc cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;  Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;  Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao”. | **Điều 28. Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được đầu tư theo phương thức đối tác công tư**  3. Trình tự, thủ tục sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:  a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan quản lý tài sản lập hồ sơ đề nghị, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:  Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (trong đó nêu rõ lý do sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư): 01 bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;  Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;  Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01C tại Phụ lục kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  |  | Bộ Giao thông vận tải | Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại khoản 3 Điều 4, khoản 2, điểm b khoản 5, khoản 6 Điều 5, khoản 2 Điều 6, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 13, khoản 5, khoản 6 Điều 14, khoản 5, khoản 6 Điều 15, khoản 5, khoản 6 Điều 16, khoản 5, khoản 7 Điều 17, khoản 2, khoản 5 Điều 21, khoản 2, khoản 3 Điều 22, khoản 2, khoản 4 Điều 23, khoản 2, khoản 5 Điều 24, khoản 2 Điều 25, khoản 2, khoản 3 Điều 26, khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 28, khoản 6 Điều 29, khoản 3 Điều 30, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 31, khoản 1 Điều 32, Mẫu 01B, Mẫu 01C, Mẫu 02A, Mẫu 02B, Mẫu 02C, Mẫu 02D, Mẫu 02Đ tại Phụ lục. | Chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan chuyên môn tại địa phương đã được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật. |
|  |  | Cục Thuế | Thay thế cụm từ “Cục Thuế” bằng cụm từ “Cơ quan thuế theo thẩm quyền” tại điểm b khoản 4 Điều 32. |
| **VIII** | **Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ** *(13 nội dung)* | | | |
|  | Khoản 15 Điều 3 | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  15. Cơ quan chuyên môn được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ là cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ). | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  15. Cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu có) giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý trên địa bàn tỉnh | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 15 | **Điều 15. Đối tượng và hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ**  2. Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý:  c) Cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp huyện.  3. Hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ:  a) Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ theo hình thức ghi tăng tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này (sau đây gọi là đơn vị), Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại điểm b khoản 2 Điều này (sau đây gọi là cơ quan); | **Điều 15. Đối tượng và hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ**  2. Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý:  c) Cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp xã (nếu có).  3. Hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ:  a) Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ theo hình thức ghi tăng tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều này (sau đây gọi là đơn vị), Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp xã (sau đây gọi là cơ quan); | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm a khoản 2 Điều 16 | **Điều 16. Thẩm quyền quyết định; trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý**  2. Trình tự, thủ tục quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ được đầu tư xây dựng mới và tài sản kết cấu hạ tầng chợ được xác lập quyền sở hữu toàn dân:  a) Chủ đầu tư dự án (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ được đầu tư xây dựng mới), đơn vị chủ trì quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) có văn bản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:  Tờ trình của chủ đầu tư dự án/đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc giao tài sản cho đối tượng quản lý: 01 bản chính;  Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng: 01 bản chính;  Văn bản đề nghị được giao tài sản của đối tượng (trong trường hợp dự kiến giao tài sản cho doanh nghiệp nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập): 01 bản chính;  Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, đánh giá tình trạng tài sản - nếu có): 01 bản chính;  b) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản. Nội dung chủ yếu của Quyết định giao tài sản gồm:  Tên đối tượng được giao tài sản;  Hình thức giao tài sản;  Danh mục tài sản (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, đánh giá tình trạng tài sản - nếu có);  Trách nhiệm tổ chức thực hiện. | **Điều 16. Thẩm quyền quyết định; trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý**  2. Trình tự, thủ tục quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ được đầu tư xây dựng mới và tài sản kết cấu hạ tầng chợ được xác lập quyền sở hữu toàn dân:  a) Chủ đầu tư dự án (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ được đầu tư xây dựng mới), đơn vị chủ trì quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) có văn bản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:  Tờ trình của chủ đầu tư dự án/đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc giao tài sản cho đối tượng quản lý: 01 bản chính;  Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng: 01 bản chính;  Văn bản đề nghị được giao tài sản của đối tượng (trong trường hợp dự kiến giao tài sản cho doanh nghiệp nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập): 01 bản chính;  Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản): 01 bản chính;  b) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản. Nội dung chủ yếu của Quyết định giao tài sản gồm:  Tên đối tượng được giao tài sản;  Hình thức giao tài sản;  Danh mục tài sản (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản);  Trách nhiệm tổ chức thực hiện. | Để thực hiện Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 04/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2025; theo đó yêu cầu cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước đơn giản hoá thủ tục hành chính. |
|  | Khoản 2 Điều 17 | **Điều 17. Thẩm quyền quyết định; trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý**  2. Trình tự, thủ tục quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ:  a) Chủ đầu tư dự án (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ được đầu tư xây dựng mới), đơn vị chủ trì quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) có văn bản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp huyện. Hồ sơ gồm:  Tờ trình của chủ đầu tư dự án/đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc giao tài sản cho đối tượng quản lý: 01 bản chính;  Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng: 01 bản chính;  Văn bản đề nghị được giao tài sản: 01 bản chính;  Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, đánh giá tình trạng tài sản - nếu có): 01 bản chính;  Biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản được đầu tư xây dựng mới): 01 bản chính;  Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân (đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công): 01 bản chính;  Hồ sơ hoàn công (đối với công trình đầu tư xây dựng mới): 01 bản sao;  Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.  b) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao tài sản. Nội dung chủ yếu của Quyết định giao tài sản gồm:  Tên đối tượng được giao tài sản;  Hình thức giao tài sản;  Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, đánh giá tình trạng tài sản - nếu có);  Trách nhiệm tổ chức thực hiện. | **Điều 17. Thẩm quyền quyết định; trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý**  2. Trình tự, thủ tục quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ:  a) Chủ đầu tư dự án (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ được đầu tư xây dựng mới), đơn vị chủ trì quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) có văn bản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp xã (nếu có); trường hợp không có cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp xã thì gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Hồ sơ gồm:  Tờ trình của chủ đầu tư dự án/đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc giao tài sản cho đối tượng quản lý: 01 bản chính;  Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng: 01 bản chính;  Văn bản đề nghị được giao tài sản của đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 Nghị định này: 01 bản chính;  Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản): 01 bản chính;  Biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản được đầu tư xây dựng mới): 01 bản chính;  Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân (đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công): 01 bản chính;  Hồ sơ hoàn công (đối với công trình đầu tư xây dựng mới): 01 bản sao;  Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.  b) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao tài sản. Nội dung chủ yếu của Quyết định giao tài sản gồm:  Tên đối tượng được giao tài sản;  Hình thức giao tài sản;  Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản);  Trách nhiệm tổ chức thực hiện. | - Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện.  - Để thực hiện Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 04/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2025; theo đó yêu cầu cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước đơn giản hoá thủ tục hành chính. |
|  | Khoản 4, điểm c khoản 6 Điều 24 | **Điều 24. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ**  4. Trình tự, thủ tục cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ:  a) Đối tượng được giao quản lý tài sản lập Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 04A Phụ lục I Nghị định này và có văn bản gửi cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ (trong trường hợp đối tượng được giao quản lý tài sản không phải là cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ). Đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ được giao cho cơ quan, đơn vị cấp huyện quản lý thì cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập Đề án, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản gửi cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh;  b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kèm theo Đề án quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định Đề án, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, phê duyệt. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ gồm:  Đối tượng có tài sản cho thuê quyền khai thác;  Danh mục tài sản cho thuê (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, đánh giá tình trạng tài sản - nếu có);  Thời hạn cho thuê quyền khai thác;  Phương thức thực hiện cho thuê quyền khai thác;  Quản lý số tiền thu được từ việc cho thuê quyền khai thác;  Trách nhiệm tổ chức thực hiện.  6. Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ gồm các nội dung chủ yếu sau:  c) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, đánh giá tình trạng tài sản - nếu có): 01 bản chính; | **Điều 24. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ**  4. Trình tự, thủ tục cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ:  a) Đối tượng được giao quản lý tài sản lập Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 04A Phụ lục I Nghị định này và có văn bản trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, phê duyệt.  b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kèm theo Đề án quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, phê duyệt Đề án; trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này giao cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cùng cấp (nếu có) có ý kiến trước khi phê duyệt Đề án. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý thì Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc lập Đề án và trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt.  Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ gồm:  Đối tượng có tài sản cho thuê quyền khai thác;  Danh mục tài sản cho thuê (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, đánh giá tình trạng tài sản - nếu có);  Thời hạn cho thuê quyền khai thác;  Phương thức thực hiện cho thuê quyền khai thác;  Quản lý số tiền thu được từ việc cho thuê quyền khai thác;  Trách nhiệm tổ chức thực hiện.  6. Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ gồm các nội dung chủ yếu sau:  c) Danh mục tài sản cho thuê quyền khai thác (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản): 01 bản chính; | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Khoản 1 điểm b khoản 4, điểm c khoản 6 Điều 25 | **Điều 25. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ**  1. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ được áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ hiện có gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ chỉ áp dụng đối với tài sản giao cho cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, không áp dụng đối với tài sản giao cho doanh nghiệp quản lý.  Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được xác định cụ thể trong Đề án chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ và Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ nhưng tối đa không quá 50 năm.  4. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ:  b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kèm theo Đề án quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định Đề án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ gồm:  Đối tượng có tài sản chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác;  Danh mục tài sản chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, đánh giá tình trạng tài sản - nếu có);  Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác;  Phương thức thực hiện chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác;  Quản lý số tiền thu được từ việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác;  Trách nhiệm tổ chức thực hiện.  6. Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ gồm các nội dung chủ yếu sau:  c) Danh mục tài sản chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, đánh giá tình trạng tài sản - nếu có); | **Điều 25. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ**  1. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ được áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ hiện có gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ chỉ áp dụng đối với tài sản giao cho cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ, đơn vị sự nghiệp công lập, *Ủy ban nhân dân cấp xã* quản lý, không áp dụng đối với tài sản giao cho doanh nghiệp quản lý.  Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được xác định cụ thể trong Đề án chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ và Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ nhưng tối đa không quá 50 năm.  4. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ:  b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kèm theo Đề án quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định Đề án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. Nội dung chủ yếu của Quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ gồm:  Đối tượng có tài sản chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác;  Danh mục tài sản chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản);  Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác;  Phương thức thực hiện chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác;  Quản lý số tiền thu được từ việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác;  Trách nhiệm tổ chức thực hiện.  6. Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ gồm các nội dung chủ yếu sau:  c) Danh mục tài sản chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản); | - Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện.  - Để thực hiện Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 04/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2025; theo đó yêu cầu cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước đơn giản hoá thủ tục hành chính. |
|  | Điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 28 | **Điều 28. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ**  2. Thẩm quyền quyết định thu hồi:  c) Riêng đối với tài sản thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì thẩm quyền thu hồi, việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi và việc quản lý, xử lý đất, tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan. Trước khi quyết định thu hồi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh lấy ý kiến bằng văn bản của cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về chợ cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có tài sản và các cơ quan khác có liên quan về các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan này.  4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này:  a) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản gửi cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cùng cấp. Hồ sơ gồm:  Văn bản đề nghị thu hồi tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản thu hồi thuộc trường hợp nào theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này): 01 bản chính.  Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản): 01 bản chính.  Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.  b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi. Hồ sơ báo cáo gồm:  Tờ trình của cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc của liên ngành về việc thu hồi tài sản: 01 bản chính.  Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản): 01 bản chính.  Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị có liên quan: 01 bản sao.  Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.  c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp. Nội dung của Quyết định thu hồi tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này.  d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định thu hồi tài sản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này, trình cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 29 Nghị định nay xem xét, quyết định. Việc tổ chức thực hiện Quyết định xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 29 Nghị định này.  Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản và đảm bảo việc vận hành theo quy định của pháp luật. | **Điều 28. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ**  2. Thẩm quyền quyết định thu hồi:  c) Riêng đối với tài sản thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì thẩm quyền thu hồi, việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi và việc quản lý, xử lý đất, tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.    4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này:  a) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ gồm:  Văn bản đề nghị thu hồi tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản thu hồi thuộc trường hợp nào theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này): 01 bản chính.  Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản): 01 bản chính.  Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.  b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp; trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cùng cấp (nếu có) có ý kiến trước khi quyết định thu hồi. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý thì Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo và trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thu hồi.  c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định thu hồi tài sản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này, trình cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 29 Nghị định này xem xét, quyết định. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng chợ giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho cơ quan, đơn vị cấp xã lập phương án xử lý tài sản thu hồi theo quy định tại khoản này. Việc tổ chức thực hiện Quyết định xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 29 Nghị định này.  Trong thời gian chờ xử lý tài sản thu hồi, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản và đảm bảo việc vận hành theo quy định của pháp luật. | - Quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP *“Trước khi quyết định thu hồi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh… thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan này.”* là thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Tuy nhiên, ngày 29/6/2024, Quốc hội đã thông qua Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; theo đó Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024. Tại điểm a khoản 1 Điều 251 Luật Đất đai năm 2024 đã bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Do đó, cần phải sửa đổi quy định tại điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP để đảm bảo thống nhất áp dụng pháp luật.  - Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Khoản 2, khoản 3 Điều 29 | **Điều 29. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng chợ**  2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng chợ giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.  3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng chợ:  a) Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản gửi cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cùng cấp. Hồ sơ gồm:  Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản điều chuyển thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này): 01 bản chính.  Văn bản đề nghị tiếp nhận tài sản: 01 bản chính.  Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản): 01 bản chính.  Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.  Đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý mà thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp quy định tại khoản 2 Điều này thì cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, có văn bản đề nghị kèm theo bản sao hồ sơ quy định (nêu trên) gửi cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh.  b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định điều chuyển tài sản. Hồ sơ báo cáo gồm:  Tờ trình của cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc của liên ngành về việc điều chuyển tài sản: 01 bản chính.  Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản): 01 bản chính.  Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị liên quan: 01 bản sao.  Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao. | **Điều 29. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng chợ**  2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng chợ giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.  3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng chợ:  a) Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Hồ sơ gồm:  Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản điều chuyển thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này): 01 bản chính.  Văn bản đề nghị tiếp nhận tài sản: 01 bản chính.  Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản): 01 bản chính.  Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.  b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản không phù hợp; trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh có ý kiến trước khi quyết định điều chuyển tài sản. Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản gồm:  Cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển;  Cơ quan, đơn vị nhận tài sản điều chuyển;  Danh mục tài sản điều chuyển (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản);  Lý do điều chuyển (trong đó xác định cụ thể tài sản điều chuyển thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này);  Trách nhiệm tổ chức thực hiện. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Khoản 4 Điều 30 | **Điều 30. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ**  **4**. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ  a) Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản gửi cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cùng cấp. Hồ sơ gồm:  Văn bản đề nghị thanh lý tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản điều chuyển thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này): 01 bản chính.  Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản, giá trị tài sản): 01 bản chính.  Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.  b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản. Hồ sơ báo cáo gồm:  Tờ trình của cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc của liên ngành về việc thanh lý tài sản: 01 bản chính.  Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản, giá trị tài sản): 01 bản chính.  Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị có liên quan: 01 bản sao.  Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.  c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản không phù hợp.  Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm:  Tên cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý;  Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản, giá trị tài sản);  Hình thức xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu còn sử dụng được); tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi (trường hợp đã xác định được đối tượng tiếp nhận);  Lý do thanh lý (trong đó xác định cụ thể tài sản thanh lý thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này);  Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý;  Trách nhiệm tổ chức thực hiện.  d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý tổ chức thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện phá dỡ, hủy bỏ tài sản; kiểm đếm, phân loại vật liệu, vật tư thu hồi. Việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.  Cơ quan, đơn vị được giao tài sản có trách nhiệm thực hiện kế toán giảm tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 34 Nghị định này. | **Điều 30. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ**  4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ  a) Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này lập hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ gồm:  Văn bản đề nghị thanh lý tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản điều chuyển thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này): 01 bản chính.  Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản, giá trị tài sản): 01 bản chính.  Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.  b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản không phù hợp; trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cùng cấp (nếu có) có ý kiến trước khi quyết định thanh lý. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý thì Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo và trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thanh lý.  Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm:  Tên cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý;  Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (tên tài sản, giá trị tài sản);  Hình thức xử lý vật liệu, vật tư thu hồi (nếu còn sử dụng được); tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước tiếp nhận vật liệu, vật tư thu hồi (trường hợp đã xác định được đối tượng tiếp nhận);  Lý do thanh lý (trong đó xác định cụ thể tài sản thanh lý thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này);  Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý;  Trách nhiệm tổ chức thực hiện.  c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý tổ chức thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện phá dỡ, hủy bỏ tài sản; kiểm đếm, phân loại vật liệu, vật tư thu hồi. Việc xử lý vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thanh lý tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.  Cơ quan, đơn vị được giao tài sản có trách nhiệm thực hiện kế toán giảm tài sản theo chế độ kế toán hiện hành; thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 34 Nghị định này. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Khoản 3 Điều 31 | **Điều 31. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**  3. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ  a) Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản gửi cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cùng cấp. Hồ sơ gồm:  Văn bản đề nghị xử lý tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản xử lý thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này): 01 bản chính.  Danh mục tài sản đề nghị xử lý (tên tài sản, số lượng, giá trị tài sản): 01 bản chính.  Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.  b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định xử lý tài sản. Hồ sơ báo cáo gồm:  Tờ trình của cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc của liên ngành về việc xử lý tài sản: 01 bản chính.  Danh mục tài sản đề nghị xử lý (tên tài sản, số lượng, giá trị tài sản): 01 bản chính.  Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị có liên quan: 01 bản sao.  Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.  c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Ủy ban nhân dân có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị xử lý tài sản không phù hợp. Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản gồm:  Tên cơ quan, đơn vị có tài sản bị mất, bị hủy hoại;  Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản, số lượng, giá trị tài sản); lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại;  Trách nhiệm tổ chức thực hiện. | **Điều 31. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**  3. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ  a) Cơ quan, đơn vị có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ gồm:  Văn bản đề nghị xử lý tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản xử lý thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này): 01 bản chính.  Danh mục tài sản đề nghị xử lý (tên tài sản, số lượng, giá trị tài sản): 01 bản chính.  Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.  b) Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị xử lý tài sản không phù hợp; trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cùng cấp (nếu có) có ý kiến trước khi quyết định xử lý. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý thì Ủy ban nhân dân cấp xã giao cho cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo và trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định xử lý.  Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản gồm:  Tên cơ quan, đơn vị có tài sản bị mất, bị hủy hoại;  Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (tên tài sản, số lượng, giá trị tài sản); lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại;  Trách nhiệm tổ chức thực hiện. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Khoản 2 Điều 32 | **Điều 32. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ**  2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ thực hiện phương án khai thác quy định tại các Điều 24, 25 Nghị định này, số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công sau đây làm chủ tài khoản:  b) Phòng Tài chính Kế hoạch đối với số tiền thu được từ khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý. | **Điều 32. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ**  2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ thực hiện phương án khai thác quy định tại các Điều 24, 25 Nghị định này, số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công sau đây làm chủ tài khoản:  b) *Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ làm chủ tài khoản* đối với số tiền thu được từ khai thác tài sản do cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Khoản 1 Điều 33 | **Điều 33. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ**  1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ (bao gồm cả tiền do doanh nghiệp bảo hiểm và các tổ chức, cá nhân khác bồi thường) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công sau đây làm chủ tài khoản:  b) Phòng Tài chính Kế hoạch đối với số tiền thu được từ xử lý tài sản do cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý. | **Điều 33. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ**  1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng chợ (bao gồm cả tiền do doanh nghiệp bảo hiểm và các tổ chức, cá nhân khác bồi thường) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công sau đây làm chủ tài khoản:  b) *Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ làm chủ tài khoản* đối với số tiền thu được từ xử lý tài sản do cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  |  |  | Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại khoản 2 Điều 15, Điều 17, điểm b khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 4 Điều 25, điểm b khoản 2 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 30, điểm b khoản 2 Điều 31, điểm b khoản 2 Điều 32, điểm b khoản 1 Điều 33 | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
| **IX** | Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi *(05 nội dung)* | | | |
|  | Khoản 2 Điều 3 | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  2. Cơ quan chuyên môn về thủy lợi là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  2. Cơ quan chuyên môn về thủy lợi là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 4 | Chưa có quy định. | 8. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không tổ chức các cơ quan chuyên môn thì Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã quy định tại Nghị định này. |
|  | Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 1, khoản 4 Điều 6 | **Điều 6. Đối tượng và hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**  1. Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm các doanh nghiệp, đơn vị, cơ quan sau đây:  a) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước).  b) Đơn vị sự nghiệp công lập.  c) Cơ quan chuyên môn về thủy lợi.  4. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật về thủy lợi (sau đây gọi là tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý) được giao cho đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp huyện theo hình thức ghi tăng tài sản (trừ tài sản đã giao cho doanh nghiệp nhà nước) | **Điều 6. Đối tượng và hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi**  1. Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm các doanh nghiệp, đơn vị, cơ quan sau đây:  a) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp nhà nước).  b) Đơn vị sự nghiệp công lập.  c) Cơ quan chuyên môn về thủy lợi.  d) Cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ (sau đây gọi là cơ quan cấp xã).  4. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, khai thác theo quy định của pháp luật về thủy lợi (sau đây gọi là tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý) được giao cho đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là đơn vị), cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã hoặc cơ quan cấp xã quy định tại điểm d khoản 1 Điều này (sau đây gọi là cơ quan) theo hình thức ghi tăng tài sản (trừ tài sản đã giao cho doanh nghiệp nhà nước). | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Khổ đầu của điểm a khoản 2, khổ đầu điểm b khoản 2 Điều 9 | **Điều 9. Thẩm quyền quyết định; trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân huyện quản lý**  2. Trình tự, thủ tục quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi  a) Chủ đầu tư dự án (đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được đầu tư xây dựng mới), đơn vị chủ trì quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) lập hồ sơ đề nghị giao tài sản gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp huyện. Hồ sơ gồm:…  b) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp huyện và cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định giao tài sản. | **Điều 9. Thẩm quyền quyết định; trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân huyện quản lý**  2. Trình tự, thủ tục quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi  a) Chủ đầu tư dự án (đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được đầu tư xây dựng mới), đơn vị chủ trì quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) lập hồ sơ đề nghị giao tài sản gửi cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã; trường hợp không có cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã thì gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Hồ sơ gồm:  b) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định giao tài sản. Trường hợp không có cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, giao tài sản. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  |  | Thay thế một số cụm từ. | Thay thế một số cụm từ như sau:  a) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm d khoản 3 Điều 6, tên của Điều 9, khoản 1, khoản 3 Điều 9, khoản 1 Điều 13, điểm c khoản 3 Điều 15, điểm a khoản 6 Điều 16, điểm a khoản 6 Điều 17, điểm a khoản 6 Điều 18, điểm a khoản 4 Điều 19, điểm a khoản 6 Điều 21, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 22, điểm b khoản 2, điểm c khoản 5 Điều 23, điểm b khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 24, điểm b khoản 1 Điều 25, điểm b khoản 2 Phần I Mẫu số 04B, điểm b khoản 2 Phần I Mẫu số 04C.  b) Thay thế cụm từ “đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch” bằng cụm từ “đại diện cơ quan tài chính cấp xã hoặc công chức tài chính xã” tại điểm a khoản 6 Điều 18.  c) Thay thế cụm từ “Phòng Tài chính - Kế hoạch” bằng cụm từ “cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ làm chủ tài khoản tạm giữ” tại điểm a khoản 4 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 25.  d) Thay thế cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường” tại khoản 3 Điều 1, điểm a khoản 2 Điều 5, khoản 2, khoản 3 Điều 6, tên và khoản 2, khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 8, điểm a khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 11, khoản 1, khoản 4 Điều 13, điểm a khoản 2, tên và khoản 3, điểm b khoản 4, khoản 6 Điều 22, điểm b, điểm c khoản 6 Điều 26, khoản 2, khoản 4 Điều 27, điểm a, điểm c khoản 5 Điều 28, khoản 2 Điều 30, điểm b khoản 2 Phần I Mẫu số 04A, điểm b khoản 2 Phần I Mẫu số 04B, điểm b khoản 2 Phần I Mẫu số 04C. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
| **X** | **Nghị định 12/2025/NĐ-CP ngày 20 ngày 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa** *(16 nội dung)* | | | |
|  | Điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 2 | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  2. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa, gồm:  c) Cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp huyện là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về giao thông đường thủy nội địa.  3. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản), gồm:  c) Cơ quan quản lý tài sản cấp huyện là cơ quan quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  2. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa, gồm:  c) Cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp xã là Ủy ban nhân dân cấp xã.  3. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản), gồm:  c) Cơ quan quản lý tài sản cấp xã là cơ quan quy định tại điểm c khoản 2 Điều này. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm b khoản 1 Điều 5 | **Điều 5. Phạm vi và hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho cơ quan quản lý tài sản**  1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này như sau:  b) Cơ quan quản lý tài sản ở địa phương (gồm: Cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh; cơ quan quản lý tài sản cấp huyện) được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý.  Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý cho cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh, cơ quan quản lý tài sản cấp huyện theo đề nghị của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh. | **Điều 5. Phạm vi và hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cho cơ quan quản lý tài sản**  1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này như sau:  b) Cơ quan quản lý tài sản ở địa phương (gồm: Cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh; cơ quan quản lý tài sản cấp xã) được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý.  Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc địa phương quản lý cho cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh, cơ quan quản lý tài sản cấp xã theo đề nghị của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm d khoản 3 Điều 9 | **Điều 9. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  3. Nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được xác định theo nguyên tắc:  d) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không có thông tin để xác định giá trị tài sản theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì xử lý như sau:  Trường hợp có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tương đương (về quy mô, cấp kỹ thuật, thời gian đưa vào sử dụng) và tài sản tương đương đó đã được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì sử dụng giá trị của tài sản tương đương để xác định giá trị tài sản;  Trường hợp không có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tương đương hoặc có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tương đương nhưng tài sản tương đương đó chưa được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì sử dụng giá quy ước do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định để làm nguyên giá tài sản;  Trường hợp không có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tương đương hoặc có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tương đương nhưng tài sản tương đương đó chưa được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán và cũng không áp dụng được giá quy ước thì cơ quan quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá tài sản theo quy định của pháp luật về giá làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá. Chi phí xác định giá được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. | **Điều 9. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  3. Nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được xác định theo nguyên tắc:  d) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa không có thông tin để xác định giá trị tài sản theo quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì xử lý như sau:  Trường hợp có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tương đương (về quy mô, cấp kỹ thuật, thời gian đưa vào sử dụng) và tài sản tương đương đó đã được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì sử dụng giá trị của tài sản tương đương để xác định giá trị tài sản;  Trường hợp không có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tương đương hoặc có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tương đương nhưng tài sản tương đương đó chưa được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán thì sử dụng giá quy ước do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định để làm nguyên giá tài sản;  Trường hợp không có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tương đương hoặc có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tương đương nhưng tài sản tương đương đó chưa được theo dõi nguyên giá, giá trị còn lại trên sổ kế toán và cũng không áp dụng được giá quy ước thì cơ quan quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá tài sản theo quy định của pháp luật về giá làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá. Chi phí xác định giá được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước | Chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan chuyên môn tại địa phương đã được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật. |
|  | Điểm d khoản 3, khoản 5 Điều 13 | **Điều 13. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác**  3. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.  d) Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện quản lý:  Cơ quan quản lý tài sản cấp huyện lập hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm:  Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;  Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản cấp huyện về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;  Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;  Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.  5. Cơ quan quản lý tài sản cấp huyện trực tiếp tổ chức khai thác sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:  a) Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, cơ quan quản lý tài sản cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc trực tiếp tổ chức khai thác sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo hình thức giao khoán công việc theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này hoặc trực tiếp tổ chức khai thác theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.  b) Cơ quan quản lý tài sản cấp huyện thực hiện giao khoán một hoặc một số công việc của quá trình vận hành, khai thác tài sản sau đây cho tổ chức, đơn vị, cá nhân:  Vận hành tài sản;  Bảo trì tài sản;  Thu tiền sử dụng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật;  Các công việc khác có liên quan đến vận hành, khai thác tài sản.  c) Việc giao khoán vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại điểm b khoản này được thực hiện như sau:  Người đứng đầu cơ quan quản lý tài sản cấp huyện quyết định công việc giao khoán, đơn giá giao khoán cho từng công việc trong quá trình vận hành, khai thác tài sản quy định tại điểm b khoản này;  Cơ quan quản lý tài sản cấp huyện có trách nhiệm: Lựa chọn tổ chức, đơn vị, cá nhân nhận khoán theo quy định của pháp luật đấu thầu; ký hợp đồng giao khoán theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng và nghiệm thu, thanh toán kinh phí khoán theo hợp đồng đã ký kết. | **Điều 13. Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác**  3. Lập, phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.  d) Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý:  Cơ quan quản lý tài sản cấp xã lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, báo cáo cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh để xem xét, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm:  Tờ trình của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;  Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản cấp xã về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;  Đề án khai thác tài sản do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;  Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;  Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.  5. Cơ quan quản lý tài sản cấp xã trực tiếp tổ chức khai thác sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:  a) Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, cơ quan quản lý tài sản cấp xã trình cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc trực tiếp tổ chức khai thác sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo hình thức giao khoán công việc theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này hoặc trực tiếp tổ chức khai thác theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.  b) Cơ quan quản lý tài sản cấp xã thực hiện giao khoán một hoặc một số công việc của quá trình vận hành, khai thác tài sản sau đây cho tổ chức, đơn vị, cá nhân:  Vận hành tài sản;  Bảo trì tài sản;  Thu tiền sử dụng kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các khoản thu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật;  Các công việc khác có liên quan đến vận hành, khai thác tài sản.  c) Việc giao khoán vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa quy định tại điểm b khoản này được thực hiện như sau:  Cơ quan quản lý tài sản cấp xã quyết định công việc giao khoán, đơn giá giao khoán cho từng công việc trong quá trình vận hành, khai thác tài sản quy định tại điểm b khoản này;  Cơ quan quản lý tài sản cấp xã có trách nhiệm: Lựa chọn tổ chức, đơn vị, cá nhân nhận khoán theo quy định của pháp luật về đấu thầu; ký hợp đồng giao khoán theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng và nghiệm thu, thanh toán kinh phí khoán theo hợp đồng đã ký kết. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm b khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 14 | **Điều 14. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:  b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyên khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh, cấp huyện quản lý.  7. Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này:  b) Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện quản lý:  Cơ quan quản lý tài sản cấp huyện lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Hồ sơ trình gồm:  Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản cấp huyện về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;  Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;  Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản chính;  Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao. | **Điều 14. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh, cấp xã quản lý.  7. Lập, phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 5 Điều này:  b) Đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý:  Cơ quan quản lý tài sản cấp xã lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, báo cáo cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh để xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Hồ sơ trình gồm:  Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản cấp xã về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;  Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;  Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản chính;  Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm b khoản 5 Điều 15 | **Điều 15. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:  b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh, cấp huyện quản lý. | **Điều 15. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  5. Thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh, cấp xã quản lý. | Việc thực hiện phân cấp thẩm quyền được thực hiện theo Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, vì vậy việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật. |
|  | Điểm a khoản 5 Điều 16 | **Điều 16. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  5. Xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:  a) Cơ quan quản lý tài sản lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc thành lập Hội đồng xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản. Thành phần Hội đồng xác định giá gồm: Thủ trưởng cơ quan quản lý tài sản hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: Đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan quản lý tài sản; đại diện Sở Tài chính nơi có tài sản (đối với tài sản thuộc trung ương, thuộc cấp tỉnh quản lý); đại diện Phòng Tài chính Kế hoạch (đối với tài sản thuộc cấp huyện quản lý); đại diện các cơ quan khác (nếu có). | **Điều 16. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  5. Xác định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:  a) Cơ quan quản lý tài sản lựa chọn thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thẩm định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc thành lập Hội đồng xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản. Thành phần Hội đồng xác định giá gồm: Thủ trưởng cơ quan quản lý tài sản hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: Đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của cơ quan quản lý tài sản; đại diện Sở Tài chính nơi có tài sản (đối với tài sản thuộc trung ương, thuộc cấp tỉnh quản lý); đại diện cơ quan tài chính cấp xã (đối với tài sản thuộc cấp xã quản lý); đại diện các cơ quan khác (nếu có). | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm a khoản 2 Điều 17 | **Điều 17. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này:  a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả số tiền chậm nộp - nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan theo quy định sau đây làm chủ tài khoản:  Bộ Giao thông vận tải giao 01 đơn vị thuộc, trực thuộc làm chủ tài khoản đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý;  Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan quản lý tài sản công cùng cấp làm chủ tài khoản tạm giữ đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh, cấp huyện quản lý. | **Điều 17. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  2. Trường hợp khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này:  a) Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả số tiền chậm nộp - nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan theo quy định sau đây làm chủ tài khoản:  Bộ Giao thông vận tải giao 01 đơn vị thuộc, trực thuộc làm chủ tài khoản đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản ở trung ương quản lý;  Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã giao cơ quan quản lý tài sản công cùng cấp làm chủ tài khoản tạm giữ đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh, cấp xã quản lý. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm b khoản 2 Điều 19 | **Điều 19. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản cùng cấp quản lý. | **Điều 19. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản cùng cấp quản lý. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm a khoản 3 Điều 20 | **Điều 20. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:  a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần điều chuyển, cơ, quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:  Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện quản lý) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;  Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản chính. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan tiếp nhận tài sản;  Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này do cơ quan quản lý tài sản lập: bản chính;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao. | **Điều 20. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:  a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần điều chuyển, cơ, quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:  Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan quản lý tài sản (nếu có) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc đề nghị điều chuyển tài sản: bản chính;  Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó: bản chính. Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan tiếp nhận tài sản;  Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này do cơ quan quản lý tài sản lập: bản chính;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm b khoản 3, điểm a, điểm d khoản 4 Điều 21 | **Điều 21. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa về địa phương quản lý, xử lý:**  3. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa về địa phương quản lý, xử lý:  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý, xử lý.  4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa về địa phương quản lý, xử lý:  a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần chuyển giao, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định khoản 3 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:  …Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp huyện quản lý) về việc chuyển giao tài sản: bàn chính;  d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiếp nhận tài sản và giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện). | **Điều 21. Chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa về địa phương quản lý, xử lý:**  3. Thẩm quyền quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa về địa phương quản lý, xử lý:  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương (Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý, xử lý.  4. Trình tự, thủ tục chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa về địa phương quản lý, xử lý:  a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần chuyển giao, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển giao tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định khoản 3 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:  Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị chuyển giao tài sản: bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp xã quản lý) về việc chuyển giao tài sản: bản chính;  Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi tiếp nhận tài sản) trong trường hợp chuyển giao tài sản thuộc trung ương quản lý: bản chính;  Danh mục tài sản đề nghị chuyển giao theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;  Hồ sơ liên quan về lý do đề nghị chuyển giao tài sản (nếu có): bản sao;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.  d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định chuyển giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiếp nhận tài sản và giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản chuyển giao cho cơ quan chức năng của địa phương (cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức phát triển quỹ đất, Ủy ban nhân dân cấp xã. | - Việc thực hiện phân cấp thẩm quyền được thực hiện theo Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, vì vậy việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật.  - Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm b khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 22 | **Điều 22. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:  b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Luật số 56/2024/QH15).  4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:  a) Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:  …Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc đề nghị thanh lý tài sản trong trường hợp việc thanh lý tài sản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định: bản chính; | **Điều 22. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.  4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa:  a) Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:  Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản chính;  Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị thanh lý tài sản trong trường hợp việc thanh lý tài sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định: bản chính;  Danh mục tài sản đề nghị thanh lý theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành 1 kèm theo Nghị định này: bản chính;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao. | - Việc thực hiện phân cấp thẩm quyền được thực hiện theo Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, vì vậy việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật.  - Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 23 | **Điều 23. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**  2. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:  b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Luật số 56/2024/QH15).  3. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:  a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị gồm:  …Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc đề nghị xử lý tài sản trong trường hợp việc xử lý tài sản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định: bản chính; | **Điều 23. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**  2. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản ở địa phương quản lý.  3. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:  a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân (lý do) tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định. Hồ sơ đề nghị gồm:  Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản (trong đó nêu rõ lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại): bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị xử lý tài sản: bản chính;  Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị xử lý tài sản trong trường hợp việc xử lý tài sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định: bản chính;  Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản chính;  Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;  Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: bản sao. | - Việc thực hiện phân cấp thẩm quyền được thực hiện theo Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, vì vậy việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật.  - Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm b khoản 1 Điều 24 | **Điều 24. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan theo quy định sau đây làm chủ tài khoản:  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan quản lý tài sản công cùng cấp làm chủ tài khoản tạm giữ đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh, cấp huyện quản lý. | **Điều 24. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa**  1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (bao gồm cả tiền bồi thường thiệt hại, nếu có) được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do cơ quan theo quy định sau đây làm chủ tài khoản:  b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã giao cơ quan quản lý tài sản công cùng cấp làm chủ tài khoản tạm giữ đối với tài sản do cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh, cấp xã quản lý. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm a khoản 3 Điều 25 | **Điều 25. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được đầu tư theo phương thức đối tác công tư**  3. Trình tự, thủ tục sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:  a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:  Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan quản lý tài sản về việc sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp huyện quản lý) về việc sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;  Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;  Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mau số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao. | **Điều 25. Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được đầu tư theo phương thức đối tác công tư**  3. Trình tự, thủ tục sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư:  a) Khi có tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa cần sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:  Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan quản lý tài sản về việc sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;  Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản do cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp xã quản lý) về việc sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: bản chính;  Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;  Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;  Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  |  |  | Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại khoản 2 Điều 2, khoản 3 Điều 4, khoản 2, điểm b khoản 5, khoản 6 Điều 5, khoản 1 Điều 6, khoản 1, khoản 2 Điều 7, điểm a, điểm c khoản 2 Điều 10, điểm a khoản 2 Điều 11, điểm b và điểm đ khoản 3 Điều 13, điểm a khoản 5 Điều 14, khoản 6 Điều 14, điểm a khoản 5 Điều 15, khoản 7 Điều 16, điểm a khoản 2 Điều 17, điểm a khoản 2 Điều 19, điểm b khoản 2 Điều 20, điểm b khoản 3 Điều 20, điểm a khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 2 Điều 22, điểm a, c, d khoản 7 Điều 22, điểm a khoản 2 Điều 23, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm b khoản 2 Điều 25, điểm b khoản 3 Điều 25, điểm a, b khoản 6 Điều 26, khoản 3 Điều 27, khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 2 Điều 28, khoản 4 Điều 28, khoản 1 Điều 29, Mẫu số 1b, Mẫu số 2a, Mẫu số 2b, Mẫu số 2c tại Phụ lục. | Chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan chuyên môn tại địa phương đã được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật. |
| **XI** | **Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt** *(03 nội dung)* | | | |
|  |  |  | Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” bằng cụm từ “Bộ Xây dựng” tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 2; khoản 3 Điều 4; điểm b khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 5; khoản 1, điểm đ khoản 2, khoản 3, điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 6; khoản 2, điểm c khoản 3, điểm a, điểm b khoản 4 Điều 7; điểm a khoản 3 Điều 13; điểm b, điểm c khoản 3 Điều 16; khoản 3, điểm a, điểm b khoản 4 Điều 17; khoản 3 Điều 18; điểm a, điểm b khoản 5, khoản 7 Điều 19; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 20; khoản 2, điểm a, điểm b, điểm d khoản 4, điểm a khoản 5 Điều 22; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 23; khoản 2, điểm a, điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 24; khoản 2, điểm a, điểm c, điểm d khoản 7 Điều 25; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 27; điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 28; điểm a, điểm b khoản 6 Điều 45; khoản 3 Điều 46; điểm b, điểm c, điểm đ khoản 1, điểm c, điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 47; khoản 1 Điều 48, Mẫu số 1B; Mẫu số 2A; Mẫu số 2B; Mẫu số 2C. | Chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan chuyên môn tại địa phương đã được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật. |
|  |  |  | Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm d khoản 4 Điều 24, điểm c khoản 4 Điều 40 | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  |  |  | Thay thế cụm từ “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 2 Điều 41, khoản 2 Điều 42 | Việc thực hiện phân cấp thẩm quyền được thực hiện theo Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, vì vậy việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật. |
| **XII** | **Nghị định 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 ngày 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải** *(01 nội dung)* | | | |
|  |  |  | Thay thế cụm từ “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân tỉnh” tại điểm c khoản 5 Điều 14, điểm b khoản 5 Điều 15, điểm b khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 2 Điều 23 | Việc thực hiện phân cấp thẩm quyền được thực hiện theo Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, vì vậy việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật. |
| **XIII** | **Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam** *(02 nội dung)* | | | |
|  | Điểm a khoản 1 Điều 14 | **Điều 14. Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước**  1. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam:  a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp **huyện** quyết định đối với công trình điện trên địa bàn **một quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là quận, huyện)** thuộc phạm vi quản lý của mình;  b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với công trình điện trên địa bàn từ **hai quận, huyện** trở lên thuộc phạm vi quản lý của mình;” | **Điều 14. Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước**  1. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam:  a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với công trình điện trên địa bàn một xã, phường, đặc khu thuộc phạm vi quản lý của mình;  b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với công trình điện trên địa bàn từ hai xã, phường, đặc khu trở lên thuộc phạm vi quản lý của mình.”. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Khoản 4 Điều 19 | **Điều 19. Trách nhiệm thi hành**  4. **Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp** có trách nhiệm:  a) Căn cứ báo cáo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về kết quả ghi tăng tài sản, tăng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp và trên cơ sở đề nghị bổ sung vốn điều lệ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, **Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp** báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh lại mức vốn điều lệ cho doanh nghiệp đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp trong trường hợp khi thực hiện ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, vốn góp thực tế của chủ sở hữu cao hơn mức vốn điều lệ đã được phê duyệt;  b) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam liên quan đến việc chuyển giao công trình điện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;  c) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.” | **Điều 19. Trách nhiệm thi hành**  4. Bộ Tài chính có trách nhiệm:  a) Căn cứ báo cáo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về kết quả ghi tăng tài sản, tăng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp và trên cơ sở đề nghị bổ sung vốn điều lệ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh lại mức vốn điều lệ cho doanh nghiệp đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp trong trường hợp khi thực hiện ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, vốn góp thực tế của chủ sở hữu cao hơn mức vốn điều lệ đã được phê duyệt;  b) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam liên quan đến việc chuyển giao công trình điện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;  c) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.” | Do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã giải thể theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/3/2025 của Chính phủ. |
| **XIV** | **Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân** *(07 nội dung)* | | | |
|  | Bổ sung khoản 11 vào sau khoản 10 Điều 4 | **Điều 4. Nguyên tắc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân** | **Điều 4. Nguyên tắc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân**  11. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không tổ chức các cơ quan chuyên môn thì Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ của cơ quan chuyên mông thuộc Ủy ban nhân dân xã quy định tại Nghị định này. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 5 | **Điều 5. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản**  1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu:  a) Cơ quan (bao gồm cả cơ quan của trung ương) trình người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu là đơn vị chủ trì quản lý tài sản trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tịch thu.  2. Đối với vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền (bao gồm cả trường hợp tại các Bản án của tòa án yêu cầu trả lại một phần tài sản cho đồng sở hữu và tịch thu một phần tài sản) thì Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao; Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi là Phòng Tài chính - Kế hoạch) là đơn vị chủ trì quản lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao.  Riêng đối với vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thì cơ quan thi hành án là đơn vị chủ trì quản lý tài sản. | **Điều 5. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản**  1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu:  a) Cơ quan (bao gồm cả cơ quan của trung ương) trình người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu là đơn vị chủ trì quản lý tài sản trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định tịch thu.  2. Đối với vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền (bao gồm cả trường hợp tại các Bản án của tòa án yêu cầu trả lại một phần tài sản cho đồng sở hữu và tịch thu một phần tài sản) thì Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao; cơ quan chuyên môn về tài chính cấp xã là đơn vị chủ trì quản lý trong các trường hợp còn lại.  Riêng đối với vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thì cơ quan thi hành án là đơn vị chủ trì quản lý tài sản. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm b khoản 3 Điều 9 | **Điều 9. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản**  3. Trường hợp phương án xử lý tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này quyết định phê duyệt:  b) Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản trong trường hợp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. | **Điều 9. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản**  3. Trường hợp phương án xử lý tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này quyết định phê duyệt:  b) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Khổ đầu của Điều 11 | **Điều 11. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản công lập phương án**  Trường hợp cơ quan quản lý tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a, điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau: | **Điều 11. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản công lập phương án**  Trường hợp cơ quan quản lý tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau: | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm b khoản 4 Điều 14 | **Điều 14. Bán tài sản theo hình thức đấu giá**  4. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và pháp luật có liên quan. Trường hợp không lựa chọn được tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản thành lập Hội đồng đấu giá tài sản. Thành phần Hội đồng đấu giá tài sản gồm:  b) Các thành viên khác gồm:  Đại diện bộ phận chuyên môn của đơn vị chủ trì quản lý tài sản;  Đại diện Sở Tư pháp, Sở Tài chính nơi xử lý tài sản đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý và tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản. Đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản mà nơi xử lý tài sản trên địa bàn không thuộc địa bàn cấp huyện nơi Sở Tư pháp, Sở Tài chính đóng trụ sở thì đại diện Phòng Tư pháp, Phòng Tài chính - Kế hoạch nơi xử lý tài sản tham gia Hội đồng đấu giá tài sản;  Đại diện Phòng Tư pháp và Phòng Tài chính - Kế hoạch nơi xử lý tài sản đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản;  Đại diện của cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có). | **Điều 14. Bán tài sản theo hình thức đấu giá**  4. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản và ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và pháp luật có liên quan. Trường hợp không lựa chọn được tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản thành lập Hội đồng đấu giá tài sản. Thành phần Hội đồng đấu giá tài sản gồm:  b) Các thành viên khác gồm:  Đại diện bộ phận chuyên môn của đơn vị chủ trì quản lý tài sản;  Đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh và trung ương quyết định phê duyệt phương án xử lý thì đại diện Sở Tư pháp, Sở Tài chính nơi đơn vị chủ trì quản lý tài sản đóng trụ sở hoặc nơi bảo quản tài sản hoặc nơi tổ chức đấu giá tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, quyết định (sau đây gọi là nơi xử lý tài sản).  Đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương quyết định phê duyệt phương án xử lý mà nơi xử lý tài sản không thuộc địa bàn Sở Tư pháp, Sở Tài chính đóng trụ sở thì đại diện cơ quan chuyên môn về tài chính cấp xã tham gia Hội đồng đấu giá tài sản;  Đại diện cơ quan chuyên môn về tài chính cấp xã đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp cấp xã quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản.  Đại diện của cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có).”. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điểm c khoản 1 Điều 101 | **Điều 101. Quản lý số tiền thu được từ việc xử lý tài sản**  1. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước do cơ quan sau đây làm chủ tài khoản:  c) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện nơi xử lý tài sản đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định phê duyệt phương án xử lý; tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với trường hợp nơi xử lý tài sản không thuộc địa bàn nơi Sở Tài chính đóng trụ sở; tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương quyết định phê duyệt phương án xử lý nhưng địa bàn nơi đơn vị chủ trì quản lý tài sản của bộ, cơ quan trung ương đóng trụ sở cùng với địa bàn nơi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện đóng trụ sở. | **Điều 101. Quản lý số tiền thu được từ việc xử lý tài sản**  1. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước do cơ quan sau đây làm chủ tài khoản:  c) Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ làm chủ tài khoản đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp xã quyết định phê duyệt phương án xử lý; tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý nhưng nơi xử lý tài sản không thuộc địa bàn nơi cơ quan, người có thẩm quyền này đóng trụ sở; tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương quyết định phê duyệt phương án xử lý và Bộ, cơ quan trung ương quyết định lựa chọn nộp vào tài khoản tạm giữ của cấp xã. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  |  | Bãi bỏ, thay thế một số cụm từ, điều, khoản | *Khoản 5 Điều 12:* Bãi bỏ, thay thế một số cụm từ, điều, khoản như sau: a) Bãi bỏ cụm từ “hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại điểm a khoản 1 Điều 5.  b) Thay thế cụm từ “Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi là Phòng Tài chính - Kế hoạch) là đơn vị chủ trì quản lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ (nếu có) (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức cấp xã) là đơn vị chủ trì quản lý trong các trường hợp còn lại” tại khoản 2 Điều 5.  c) Thay điểm b khoản 3 Điều 9 thành điểm c khoản 3 Điều 9 và sửa như sau: “b) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này.”  d) Bãi bỏ cụm từ “điểm b” tại khổ đầu tiên trước khoản 1 Điều 11.  đ) Bãi bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm a khoản 4 Điều 11.  e) Bãi bỏ cụm từ “hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại điểm c khoản 1 Điều 68.  g) Thay thế cụm từ “Phòng Tài chính - Kế hoạch” thành cụm từ “cơ quan tài chính cấp xã” tại khoản 4 Điều 5, điểm b khoản 1 Điều 19, tên và điểm a khoản 2 Điều 21, khoản 1, khoản 2 Điều 26, Điều 27, Điều 28, khoản 2 Điều 30, tên và điểm a khoản 2 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 46, khoản 3 Điều 72, điểm b khoản 1 Điều 84, điểm c khoản 1 Điều 101, ghi chú (10) Mẫu số 01-QĐXL, ghi chú (12) Mẫu số 02-QĐXL&PA, ghi chú (11) Mẫu số 03-QĐPA.  h) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm b khoản 4 Điều 11, điểm b khoản 1 Điều 19, điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 25, khoản 2 Điều 26, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 27, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 28, khoản 2 Điều 30, khoản 2 Điều 31, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 46, khoản 3, khoản 4 Điều 48, điểm b khoản 1 Điều 84. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
| **XV** | **Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ)** *(02 nội dung)* | | | |
|  | Khoản 1 Điều 29 | **Điều 29. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**  1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này. | **Điều 29. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân**  1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền: Phạt cảnh cáo; Phạt tiền; Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Điều 30 | **Điều 30. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra**  1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  2. Chánh Thanh tra sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  4. Chánh Thanh tra bộ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này. | **Điều 30. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra**  1. Thanh tra viên đang thi hành công vụ có quyền:  a) Phạt cảnh cáo;  b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;  c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;  d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.  2. Được bãi bỏ.  3. Được bãi bỏ.  4. Được bãi bỏ | Để phù hợp với Dự thảo Luật Thanh tra (sửa đổi), Dự thảo Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Thanh tra Chính phủ, Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội, Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ. Việc sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo tính thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. |
| **XVI** | **Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất** | | | |
|  | Điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 16 | **Điều 16. Xử lý kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại****Điều 94 Luật Đất đai,****xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại****Điều 107 Luật Đất đai**  2. Việc khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà người thực hiện dự án tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại khoản 2 Điều 94 Luật Đất đai thực hiện như sau:  b) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc bộ phận một cửa liên thông chuyển các hồ sơ quy định tại điểm a khoản này cho **Ủy ban nhân dân cấp huyện.**  c) Căn cứ vào chứng từ, hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, trong thời hạn 30 ngày, **Ủy ban nhân dân cấp huyện** thực hiện rà soát và có văn bản xác nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trừ vào tiền sử dụng đất gửi cho cơ quan thuế thực hiện việc trừ số tiền ứng trước vào tiền sử dụng đất.  d) Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin quy định tại điểm a khoản này, trừ các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó. **Ủy ban nhân dân cấp huyện** chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu về số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trừ vào tiền sử dụng đất để làm căn cứ cho cơ quan thuế thực hiện việc trừ số tiền ứng trước vào tiền sử dụng đất tại điểm c khoản này, trừ các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó.**”** | **Điều 16. Xử lý kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại Điều 94 Luật Đất đai, xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại Điều 107 Luật Đất đai**  2. Việc khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà người thực hiện dự án tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quy định tại khoản 2 Điều 94 Luật Đất đai thực hiện như sau:  b) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc bộ phận một cửa liên thông chuyển các hồ sơ quy định tại điểm a khoản này cho Ủy ban nhân dân cấp xã.  c) Căn cứ vào chứng từ, hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, trong thời hạn 30 ngày, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát và có văn bản xác nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trừ vào tiền sử dụng đất gửi cho cơ quan thuế để thực hiện việc trừ số tiền ứng trước vào tiền sử dụng đất.  d) Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin quy định tại điểm a khoản này, trừ các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu về số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trừ vào tiền sử dụng đất để làm căn cứ cho cơ quan thuế thực hiện việc trừ số tiền ứng trước vào tiền sử dụng đất tại điểm c khoản này, trừ các văn bản, giấy tờ có trong hồ sơ đã được cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền khác chấp thuận, quyết định hoặc giải quyết trước đó. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Khoản 8 Điều 17 | **Điều 17. Nguyên tắc thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với các đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất**  8. Đối với việc xác định miễn, giảm tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân thì địa bàn (vùng) có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn (vùng) có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định này là **thôn, xã, huyện** theo quy định hoặc quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc của cơ quan, người được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, phân cấp, ủy quyền.  Việc xác định người nghèo được thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; việc xác định hộ gia đình hoặc cá nhân là người dân tộc thiểu số được thực hiện theo quy định hoặc quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.**”** | **Điều 17. Nguyên tắc thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với các đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất**  8. Đối với việc xác định miễn, giảm tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân thì địa bàn (vùng) có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn (vùng) có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định này là thôn, xã theo quy định hoặc quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc của cơ quan, người được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, phân cấp, ủy quyền.  Việc xác định người nghèo được thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; việc xác định hộ gia đình hoặc cá nhân là người dân tộc thiểu số được thực hiện theo quy định hoặc quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.  Danh mục địa bàn được hưởng ưu đãi tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định này chỉ áp dụng đối với địa bàn có địa giới hành chính cụ thể. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Khoản 2, Khoản 3, khoản 8 Điều 19 | **Điều 19. Giảm tiền sử dụng đất**  2. Giảm 50% tiền sử dụng đất với đất ở cho các đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 124 của Luật Đất đai đang công tác tại **các xã biên giới, hải đảo** **hoặc huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã** thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.  3. Giảm 30% tiền sử dụng đất đối với đất ở cho các đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 124 của Luật Đất đai đang công tác tại **các xã biên giới, hải đảo hoặc huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã** thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.  8. Thẩm quyền tính và quyết định số tiền sử dụng đất được giảm:  a) **Cục trưởng Cục thuế** xác định và ban hành quyết định giảm tiền sử dụng đất đối với tổ chức kinh tế, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài.  b) **Chi cục trưởng Chi cục thuế, Chi cục thuế khu vực** xác định và ban hành quyết định giảm tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân.**”** | **Điều 19. Giảm tiền sử dụng đất**  2. Giảm 50% tiền sử dụng đất với đất ở cho các đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 124 của Luật Đất đai đang công tác tại địa bàn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.  3. Giảm 30% tiền sử dụng đất đối với đất ở cho các đối tượng quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 124 của Luật Đất đai đang công tác tại địa bàn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn  8. Thẩm quyền tính và quyết định số tiền sử dụng đất được giảm:  a) Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực xác định và ban hành quyết định giảm tiền sử dụng đất đối với tổ chức kinh tế, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài.  b) Đội trưởng Đội Thuế xác định và ban hành quyết định giảm tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân.”. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Tiết b3 điểm b, điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 21 | **Điều 21. Trình tự tính, thu, nộp tiền sử dụng đất**  1. Đối với tổ chức kinh tế, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài:  b) Cơ quan thuế căn cứ các hồ sơ do Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc bộ phận một cửa liên thông chuyển sang, gồm:  b3) Văn bản của **Ủy ban nhân dân cấp huyện** xác nhận số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trừ vào tiền sử dụng đất (trong trường hợp người thực hiện dự án ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư). Đối với trường hợp này thì hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này.  c) Trường hợp chưa đủ cơ sở để tính số tiền sử dụng đất và các khoản phải nộp khác thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế phải thông báo bằng văn bản cho Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc bộ phận một cửa liên thông và thông báo bằng văn bản đến **Ủy ban nhân dân cấp huyện** (trường hợp có nội dung đề nghị khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) để bổ sung hồ sơ; sau khi có đủ hồ sơ hợp lệ thì cơ quan thuế phải tính và ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bổ sung. Đồng thời cơ quan thuế lập hồ sơ theo dõi tình hình thu, nộp tiền sử dụng đất theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.  2. Đối với hộ gia đình, cá nhân:  c) Trường hợp chưa đủ cơ sở để tính tiền sử dụng đất và các khoản phải nộp khác thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế phải thông báo bằng văn bản cho Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc bộ phận một cửa liên thông và thông báo bằng văn bản đến **Ủy ban nhân dân cấp huyện** (trường hợp có nội dung đề nghị khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) để bổ sung hồ sơ; sau khi tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ thì cơ quan thuế phải ra thông báo nộp tiền sử dụng đất, quyết định giảm tiền sử dụng đất (nếu thuộc trường hợp được giảm tiền sử dụng đất) chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bổ sung. Đồng thời cơ quan thuế lập hồ sơ theo dõi tình hình thu, nộp tiền sử dụng đất theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. | **Điều 21. Trình tự tính, thu, nộp tiền sử dụng đất**  1. Đối với tổ chức kinh tế, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài:  b) Cơ quan thuế căn cứ các hồ sơ do Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc bộ phận một cửa liên thông chuyển sang, gồm:  b3) Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trừ vào tiền sử dụng đất (trong trường hợp người thực hiện dự án ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư). Đối với trường hợp này thì hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này  c) Trường hợp chưa đủ cơ sở để tính số tiền sử dụng đất và các khoản phải nộp khác thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế phải thông báo bằng văn bản cho Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc bộ phận một cửa liên thông và thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã (trường hợp có nội dung đề nghị khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) để bổ sung hồ sơ; sau khi có đủ hồ sơ hợp lệ thì cơ quan thuế phải tính và ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bổ sung. Đồng thời cơ quan thuế lập hồ sơ theo dõi tình hình thu, nộp tiền sử dụng đất theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.  2. Đối với hộ gia đình, cá nhân:  c) Trường hợp chưa đủ cơ sở để tính tiền sử dụng đất và các khoản phải nộp khác thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế phải thông báo bằng văn bản cho Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc bộ phận một cửa liên thông và thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã (trường hợp có nội dung đề nghị khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) để bổ sung hồ sơ; sau khi tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ thì cơ quan thuế phải ra thông báo nộp tiền sử dụng đất, quyết định giảm tiền sử dụng đất (nếu thuộc trường hợp được giảm tiền sử dụng đất) chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bổ sung. Đồng thời cơ quan thuế lập hồ sơ theo dõi tình hình thu, nộp tiền sử dụng đất theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | **Khoản 1 Điều 29** | **Điều 29. Cơ quan xác định đơn giá thuê đất**  1. Trường hợp cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, căn cứ giá đất cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định, giá đất tại Bảng giá đất, mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, mức đơn giá thuê đất đối với công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất có mặt nước, Phiếu chuyển thông tin do cơ quan có chức năng quản lý đất đai chuyển đến, **Cục Thuế** (đối với tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài), **Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực** (đối với các trường hợp còn lại) xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.” | **Điều 29. Cơ quan xác định đơn giá thuê đất**  1. Trường hợp cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, căn cứ giá đất cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định, giá đất tại Bảng giá đất, mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, mức đơn giá thuê đất đối với công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất có mặt nước, Phiếu chuyển thông tin do cơ quan có chức năng quản lý đất đai chuyển đến, Chi cục Thuế khu vực (đối với tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài), Đội Thuế (đối với các trường hợp còn lại) xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.”. | Chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan chuyên môn tại địa phương đã được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật. |
|  | Khoản 13; bổ sung khoản 17 Điều 38 | **Điều 38. Nguyên tắc thực hiện miễn, giảm tiền thuê đất**  13. Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư; ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Điều 39, Điều 40 Nghị định này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.  Danh mục địa bàn được hưởng ưu đãi tiền thuê đất chỉ áp dụng đối với địa bàn có địa giới hành chính cụ thể **(địa bàn cấp huyện).**  17. Chưa có quy định. | ***Điều 38. Nguyên tắc thực hiện miễn, giảm tiền thuê đất***  13. Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư; ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Điều 39, Điều 40 Nghị định này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.  Danh mục địa bàn được hưởng ưu đãi tiền thuê đất theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Nghị định này chỉ áp dụng đối với địa bàn có địa giới hành chính cụ thể.  17. Trường hợp diện tích đất được Nhà nước cho thuê đất, miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Nghị định này nằm trên phạm vi nhiều **địa bàn có địa giới hành chính cụ thể** khác khau thì việc ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất được xác định theo diện tích tương ứng ở từng **địa bàn có địa giới hành chính cụ thể.**” | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | Khoản 4 Điều 39 | **Điều 39. Miễn tiền thuê đất**  4. Miễn tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều này đối với dự án đầu tư trong Khu kinh tế thuộc trường hợp sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai như sau:  a) Miễn 11 (mười một) năm đối với dự án đầu tư không thuộc Danh mục ưu đãi đầu tư (sau đây gọi là Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư) được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên **địa bàn cấp huyện** không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.  b) Miễn 13 (mười ba) năm đối với dự án không thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên **địa bàn cấp huyện** thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.  c) Miễn 15 (mười lăm) năm đối với dự án không thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên **địa bàn cấp huyện** thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên **địa bàn cấp huyện** không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.  d) Miễn 17 (mười bảy) năm đối với dự án thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên **địa bàn cấp huyện** thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.  đ) Miễn 19 (mười chín) năm đối với dự án thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên **địa bàn cấp huyện** thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.  e) Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư (trừ trường hợp quy định tại điểm g khoản này).  g) Riêng nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng trong Khu kinh tế được miễn tiền thuê đất như sau:  - Miễn 11 (mười một) năm đối với dự án đầu tư tại **địa bàn cấp huyện** không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.  - Miễn 15 (mười lăm) năm đối với dự án đầu tư tại **địa bàn cấp huyện** thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.  - Miễn toàn bộ thời gian thuê đất đối với dự án đầu tư tại **địa bàn cấp huyện** thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.  Trường hợp Khu kinh tế nằm trên phạm vi nhiều **huyện** thì việc ưu đãi miễn tiền thuê đất được xác định theo diện tích tương ứng ở từng **huyện.**” | **Điều 39. Miễn tiền thuê đất**  4. Miễn tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều này đối với dự án đầu tư trong Khu kinh tế thuộc trường hợp sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai như sau:  a) Miễn 11 (mười một) năm đối với dự án đầu tư không thuộc Danh mục ưu đãi đầu tư (sau đây gọi là Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư) được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.  b) Miễn 13 (mười ba) năm đối với dự án không thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.  c) Miễn 15 (mười lăm) năm đối với dự án không thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.  d) Miễn 17 (mười bảy) năm đối với dự án thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.  đ) Miễn 19 (mười chín) năm đối với dự án thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.  e) Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời hạn thuê đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư (trừ trường hợp quy định tại điểm g khoản này).  g) Riêng nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng trong Khu kinh tế được miễn tiền thuê đất như sau:  - Miễn 11 (mười một) năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư.  - Miễn 15 (mười lăm) năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.  - Miễn toàn bộ thời gian thuê đất đối với dự án đầu tư tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.”. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  | **Khoản 2 Điều 41** | **Điều 41. Trình tự, thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất**  2. Trường hợp giảm tiền thuê đất, căn cứ vào hồ sơ thuê đất của người thuê đất do Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai chuyển đến, đối tượng, mức giảm tiền thuê đất theo quy định, cơ quan thuế tính số tiền thuê đất phải nộp, số tiền thuê đất được giảm và ban hành quyết định giảm tiền thuê đất; cụ thể:  a) **Cục trưởng Cục thuế** ban hành quyết định giảm tiền thuê đất đối với người thuê đất là tổ chức trong nước; người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài.  b) **Chi Cục trưởng Chi cục thuế, Chi cục thuế khu vực** ban hành quyết định giảm tiền thuê đất đối với người thuê đất là hộ gia đình, cá nhân.” | **Điều 41. Trình tự, thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất**  2. Trường hợp giảm tiền thuê đất, căn cứ vào hồ sơ thuê đất của người thuê đất do Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai chuyển đến, đối tượng, mức giảm tiền thuê đất theo quy định, cơ quan thuế tính số tiền thuê đất phải nộp, số tiền thuê đất được giảm và ban hành quyết định giảm tiền thuê đất; cụ thể:  a) Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực ban hành quyết định giảm tiền thuê đất đối với người thuê đất là tổ chức trong nước; người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài.  b) Đội trưởng Đội Thuế ban hành quyết định giảm tiền thuê đất đối với người thuê đất là hộ gia đình, cá nhân. | Chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan chuyên môn tại địa phương đã được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật. |
|  | **Khoản 5 Điều 44** | **Điều 44. Trách nhiệm của cơ quan và người sử dụng đất**  5. Ủy ban nhân dân cấp **huyện**:  a) Xác nhận số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.  b) Cùng với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin trên Bảng kê thanh toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.  c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.” | **Điều 44. Trách nhiệm của cơ quan và người sử dụng đất**  5. Ủy ban nhân dân cấp xã:  a) Xác nhận số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.  b) Cùng với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin trên Bảng kê thanh toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.  c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.”. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |
|  |  |  | 11. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ như sau:  a) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại Mẫu số 01a/TB-TSDĐ, Mẫu số 01b/TB-TSDĐ, Mẫu số 01a/TB-TMĐN, Mẫu số 01b/TB-TMĐN.  b) Bãi bỏ điểm 2.3 tại Mẫu số 01a/TB-TSDĐ, điểm 2.3 tại Mẫu số 01b/TB-TSDĐ, điểm 2.3 tại Mẫu số 01a/TB-TMĐN, điểm 2.3 tại Mẫu số 01b/TB-TMĐN.  c) Thay thế cụm từ “Cục Thuế” bằng cụm từ “Chi cục Thuế khu vực”; cụm từ “Chi cục Thuế” bằng cụm từ “Đội Thuế”, bỏ cụm từ “thị trấn; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh” tại Mẫu số 02 Phụ lục I, Mẫu số 03/LCHS, Mẫu số 04 Phụ lục 1, Mẫu số 02 Phụ lục 2. | - Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện.  - Chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan chuyên môn tại địa phương đã được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật. |
| **XVII** | **Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất** | | | |
|  | Khoản 3 Điều 12 | **Điều 12. Ủy thác quản lý Quỹ phát triển đất**  3. Quỹ nhận ủy thác chịu trách nhiệm về hoạt động của Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định này, pháp luật có liên quan và Quyết định ủy thác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; không được sử dụng nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất vào các mục đích khác; thực hiện hạch toán và theo dõi riêng toàn bộ vốn nhận ủy thác từ Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định này”. | **Điều 12. Ủy thác quản lý Quỹ phát triển đất**  3. Quỹ nhận ủy thác chịu trách nhiệm về hoạt động của Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định này, pháp luật có liên quan và Quyết định ủy thác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; không được sử dụng nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất vào các mục đích khác; Quỹ phát triển đất thực hiện hạch toán và theo dõi toàn bộ vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định này; không thực hiện chuyển nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất sang Quỹ nhận ủy thác.”. | Quy định hiện hành tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP chưa rõ có hay không phải chuyển nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất sang Quỹ nhận ủy thác; do đó cách tổ chức thực hiện tại các địa phương có thể không thống nhất; do đó đề rõ trong tổ chức thực hiện và thống nhất, dự thảo quy định “*không thực hiện chuyển nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất sang Quỹ nhận ủy thác”.* |
|  | Khoản 3 Điều 13 | **Điều 13. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất**  3. Vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất được gửi tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn bảo đảm an toàn, hiệu quả và được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất.  Quỹ phát triển đất mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Nghị định này”. | **Điều 13. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất**  3. Vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất được gửi tại Kho bạc Nhà nước tại địa phương, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn, bảo đảm an toàn, hiệu quả và được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất.  Quỹ phát triển đất mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước tại địa phương, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Nghị định này. Trong thời gian tạm thời nhàn rỗi, vốn điều lệ của Quỹ được gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn và được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất, bảo đảm an toàn, hiệu quả và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của Quỹ.”. | Việc quy định trong thời gian tạm thời nhàn rỗi, vốn điều lệ của Quỹ được gửi có kỳ hạn. Lý do: Để các Quỹ có thêm nguồn thu đảm bảo hoạt động của Quỹ, phù hợp với nguyên tắc “Quỹ phát triển đất có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn” quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Đất đai năm 2024, khoản 1 Điều 5 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP; đồng thời để có sự thống nhất trong cách quản lý về nguồn tiền có nguồn gốc như nhau (Vốn điều lệ của Quỹ” và “Ngân quỹ Nhà nước” đều có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước; theo Điều 7 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05/4/20216 của Chính phủ quy định chế độ quản lý Ngân quỹ Nhà nước, vốn nhàn rỗi của Ngân quỹ Nhà nước được gửi có kỳ hạn). |
|  | Khoản 1 Điều 17 | **Điều 17. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất**  1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ”. | **Điều 17. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất**  1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất không vượt quá mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ. Căn cứ tình tình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức chi phí quản lý vốn ứng cho phù hợp và được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.  Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất xác định theo mức tại thời điểm ban hành Quyết định ứng vốn lần đầu của dự án, nhiệm vụ, tính trên tổng số tiền ứng vốn của từng lần ứng vốn và được cố định trong cả quá trình ứng vốn (không phụ thuộc vào thời gian ứng vốn) | Theo phản ánh của một số địa phương (như Quỹ Đầu tư phát triển Hà Nội, Quỹ Phát triển TPHCM) thì tùy vào thực tế từng địa phương, vẫn nên có quy định mức chi phí quản lý vốn ứng có thể thấp hơn mức tối đa quy định tại Nghị định (như ứng vốn để thực hiện bồi thường, GPMB), đồng thời phù hợp với nguyên tắc hoạt động của Quỹ phát triển đất *“không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn”*. Do đó, để bao quát hết các trường hợp, dự thảo Nghị định hoàn thiện theo hướng nêu trên (bao gồm cả trường hợp mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ thấp hơn mức quy định hoặc bằng không). |
|  | Khoản 2, khoản 3 Điều 21 | **Điều 21. Các khoản thu, chi của Quỹ phát triển đất**  2. Các khoản chi gồm:  a) Chi phục vụ hoạt động ứng vốn, thu hồi vốn ứng, quản lý vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất.  b) Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.  c) Các khoản nộp ngân sách nhà nước và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.  3. Trường hợp ủy thác quản lý Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 12 Nghị định này, chi phí ủy thác quản lý Quỹ phát triển đất là toàn bộ các khoản thu được quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều này; Quỹ nhận ủy thác có trách nhiệm chi trả toàn bộ các khoản chi của Quỹ phát triển đất. | **Điều 21. Các khoản thu, chi của Quỹ phát triển đất**  2. Các khoản chi gồm:  a) Trường hợp Quỹ hoạt động theo mô hình độc lập, các khoản chi của Quỹ gồm:  Chi phục vụ hoạt động ứng vốn, thu hồi vốn ứng, quản lý vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất;  Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập;  Các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;  Các khoản chi khác được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.  b) Trường hợp Quỹ hoạt động theo mô hình ủy thác, các khoản chi của Quỹ gồm:  Chi phí ủy thác quản lý Quỹ phát triển đất quy định tại khoản 3 Điều này;  Chi các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập;  Các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;  Các khoản chi khác được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.  3. Căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức chi phí ủy thác quản lý Quỹ phát triển đất cho phù hợp và được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, nhưng tối đa không quá 50% khoản thu của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định này | Theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP thì chi phí ủy thác quản lý Quỹ là toàn bộ các khoản thu của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều 21; theo đó, trong không phát sinh chênh lệch thu-chi từ Quỹ trong trường hợp Quỹ hoạt động theo mô hình ủy thác |
|  | Bổ sung khoản 3, khoản 4 vào sau khoản 2 Điều 25 | Chưa có quy định | **Điều 25. Xử lý chuyển tiếp**  3. Trường hợp Quỹ phát triển đất đã ứng vốn theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tạo quỹ đất theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành còn đang thực hiện thì tiếp tục thực hiện ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định.  4. Nguồn vốn hiện có của Quỹ phát triển đất (trong đó có vốn điều lệ đã được cơ quan, người có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật) đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành được tính vào vốn điều lệ ban đầu của Quỹ được xác định theo quy định tại Điều 13 Nghị định này; trường hợp vốn điều lệ ban đầu của Quỹ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định này lớn hơn số vốn hiện có thì vốn điều lệ của Quỹ còn thiếu thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này; trường hợp vốn điều lệ ban đầu của Quỹ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định này nhỏ hơn số vốn hiện có thì Quỹ có trách nhiệm nộp khoản chênh lệch này vào ngân sách nhà nước. | Để bảo quát các trường hợp phát sinh trong thực tế, tránh vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Kể từ ngày 01/8/2024 (ngày Nghị định số 104/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) thì việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này. |
|  |  |  | Thay thế cụm từ “các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Sở Tài chính”, cụm từ “Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường” tại điểm c khoản 1 Điều 9. | Chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan chuyên môn tại địa phương đã được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật. |
| **XVIII** | **Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng – chuyển giao** | | | |
|  |  |  | Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 2 Điều 6 | Chức năng, nhiệm vụ của các Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan chuyên môn tại địa phương đã được quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các Nghị định hướng dẫn thi hành, vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung như trên là phù hợp, đảm bảo thống nhất trong hệ thống pháp luật. |
| **XIX** | **Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất** | | | |
|  |  |  | (1) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm b khoản 3 Điều 4; (2) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân xã” tại khoản 1 Điều 7; (3) Thay thế cụm từ “quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” bằng cụm từ “xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” tại khoản 4 Điều 4; (4) Bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại điểm c khoản 2 Điều 13. | Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; theo đó tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), không còn cấp huyện. |